



Ủy ban nhân dân
tỉnh Bình Dương
27.02.2025
15:03:31 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 573 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 27 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ, lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 234/TTr-SGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

- 10 thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải;

- 01 TTHC mới ban hành dùng chung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã;

- 13 TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải được công bố tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương; Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường bộ, đường sắt thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương.

- 22 TTHC bị bãi bỏ: 17 TTHC trong lĩnh vực đường bộ; 05 TTHC trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải được công bố tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương; Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực du lịch, lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải và các đơn vị khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương; Quyết định số 2965/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

(Chi tiết tại: Phần I - Danh mục TTHC; Phần II - Nội dung cụ thể TTHC)

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân



dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận/

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, KT;
- Trung tâm Chuyển đổi số (Sở TTTT);
- Lưu: VT, Nhi.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Minh

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH,
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BẮT BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ,
LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI, THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 573 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ thực hiện DVCTT	Trang
1	1.001322	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Thực tuyến một phần	1
2	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Thực tuyến một phần	10
3	1.013105	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Thực tuyến một phần	20
4	1.013110	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Thực tuyến một phần	28
5	1.013089	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	Cung cấp thông tin	37
6	1.013092	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	Cung cấp thông tin	41
7	1.013097	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	Cung cấp thông tin	44



8	1.013101	Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Cung cấp thông tin	54
9	1.005103	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	Cung cấp thông tin	58
10	1.013206	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	Cung cấp thông tin	69

2. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành dùng chung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã;

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ thực hiện DVC	Trang
1	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Trực tuyến một phần	85

3. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ thực hiện DVC	Trang
1	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Toàn trình	91
2	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Trực tuyến một phần	104
3	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Trực tuyến một phần	110
4	1.000660	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	Trực tuyến một phần	116

5	1.000672	Công bố lại bến xe khách	Trực tuyến một phần	123
6	2.001002	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	Toàn trình	128
7	1.002835	Cấp mới Giấy phép lái xe	Cung cấp thông tin	132
8	1.002820	Cấp lại Giấy phép lái xe	Cung cấp thông tin	138
9	1.002809	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Cung cấp thông tin	142
10	1.002804	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Cung cấp thông tin	146
11	1.002801	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Cung cấp thông tin	150
12	1.002796	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Cung cấp thông tin	154
13	2.000769	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động	Cung cấp thông tin	159

Sửa đổi thủ tục hành chính mã 1.000028 được công bố tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường bộ, đường sắt thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương; thủ tục hành chính mã 1.001046, 1.001061, 1.000660, 1.000672 được công bố tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương; thủ tục hành chính mã 2.001002, 1.002835, 1.002820, 1.002809, 1.002804, 1.002801, 1.002796, 2.000769 được công bố tại Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của



Sở Giao thông vận tải và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương.

4. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ, lĩnh vực đăng kiểm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính
1	2.001919	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác
2	1.001087	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác
3	1.000583	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ
4	1.001035	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý
5	1.002300	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế
6	1.002793	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam
7	1.002030	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
8	2.000872	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn
9	1.001919	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng

10	1.001896	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
11	2.000847	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
12	2.000881	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
13	1.002007	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
14	1.001994	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến
15	1.001826	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
16	2.001919	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác
17	1.001087	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác
18	1.001001	Thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới
19	1.001261	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
20	1.004325	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ

21	1.005005	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ
22	1.005018	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo

Bãi bỏ thủ tục hành chính mã 2.001919, 1.001087, 1.000583, 1.001035, 2.001919, 1.001087, 1.004325, 1.005005 được công bố tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương; TTHC mã 1.002300, 1.002793, 1.002030, 2.000872, 1.001919, 1.001896, 2.000847, 2.000881, 1.002007, 1.001994, 1.001826 được công bố tại Quyết định số 1798/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương; TTHC mã 1.001001, 1.005018 được công bố tại Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực Du lịch, lĩnh vực Đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải và các đơn vị khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương; TTHC mã 1.001261 được công bố tại Quyết định số 2965/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI, THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 572 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

A1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới nộp hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận hồ sơ

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát quá trình kiểm tra, đánh giá, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế;

+ Trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, nếu chưa đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát quá trình kiểm tra, đánh giá, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế

Việc kiểm tra, đánh giá thực tế được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, cụ thể như sau:

+ Sở Giao thông vận tải kiểm tra, đánh giá điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới và lập biên bản;

+ Sở Giao thông vận tải đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam tham gia kiểm tra, đánh giá cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Nội dung kiểm tra, đánh giá ghi nhận vào biên bản. Khi có tổ chức

đánh giá sự phù hợp, việc kiểm tra, đánh giá được thay thế bằng kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp;

+ Tổng hợp kết quả và ghi nhận các nội dung.

- Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế không đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải ghi rõ lý do vào biên bản gửi tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới để khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới; mã số cơ sở đăng kiểm.

- Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu

+ Việc khắc phục các nội dung không đạt và việc kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu;

+ Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới gửi văn bản đề nghị kiểm tra, đánh giá lại đến Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận (theo các bước nêu trên). Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt yêu cầu, kết luận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới không đủ điều kiện hoạt động đồng thời dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận

- Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới;

- Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt bằng nhà xưởng có bố trí dây chuyền kiểm định thể hiện đầy đủ vị trí kiểm tra, thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ kiểm tra;

- Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp);

- Danh sách trích ngang nhân lực theo mẫu;

- Danh sách thiết bị kiểm tra theo mẫu;

* Trường hợp phải đánh giá lại: Văn bản đề nghị kiểm tra, đánh giá lại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).

- Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Văn bản đề nghị;

- Mẫu Danh sách trích ngang;

- Mẫu Danh sách thiết bị;

- Mẫu Giấy chứng nhận chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KIỂM ⁽¹⁾

Số:

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

☐ Kiểm định xe cơ giới

☐ Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Kính gửi:⁽²⁾.....

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:Email:

4. Đề nghị:

☐ Cấp mới

☐ Cấp lại

- Số giấy chứng nhận lần gần nhất:

- Lý do cấp lại: ☐ Mất ☐ Hỏng ☐ Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

☐ Kiểm tra, đánh giá lại

- Các nội dung đã khắc phục (theo kết luận tại biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động số):.....

.....⁽¹⁾.....cam kết các thông tin trên là chính xác.

....., ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu...

**TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG
KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM(1)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới;

⁽²⁾ Cơ quan thực hiện kiểm tra, đánh giá.

BẢN THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định
ngày ... tháng ... năm của ...)

Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định	Theo thực tế
I. Xưởng kiểm định			
1. Đối với xưởng chỉ có 01 dây chuyền kiểm định:			
Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I (m)	m	30 x 4 x 3,5	
Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II (m)	m	36 x 5 x 4,5	
2. Đối với xưởng nhiều dây chuyền kiểm định			
Khoảng cách giữa tâm hai dây chuyền cạnh nhau			
Dây chuyền số 1 đến dây chuyền số 2:	m	≥ 4	
Dây chuyền số 2 đến dây chuyền số 3:	m	≥ 4	
Dây chuyền số ... đến dây chuyền số ...:	m	≥ 4	
Khoảng cách từ tâm 2 dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất (hoặc tới mép gần nhất công trình cố định) của xưởng kiểm định	m	$\geq 2/\geq 2$	/.....
Chiều dài, chiều cao của kích thước thông xe tối thiểu đối với các dây chuyền kiểm định loại I	m	30 x 3,5	
Chiều dài, chiều cao của kích thước thông xe tối thiểu đối với các dây chuyền kiểm định loại II	m	36 x 4,5	
II. Yêu cầu chung			
Khu vực dành cho xe chờ vào kiểm định và xe chờ cấp kết quả kiểm định		Có	
Chiều rộng mặt đường nội bộ	m	≥ 3	
Nhà văn phòng		Có	

Khoảng cách giữa cơ sở đăng kiểm xe cơ giới với cơ sở giáo dục phổ thông, bệnh viện	m	≥ 50	
---	---	-----------	--

....⁽¹⁾..... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập
cơ sở đăng kiểm⁽²⁾
(Ký tên, đóng dấu)**

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm.

⁽²⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp đề nghị kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận.

MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu	Chức danh/ chức vụ	Số Chứng chỉ ĐKV	Kỷ luật (Có/Không/ Thời hạn)	Điện thoại	Ghi chú
I. Bộ phận lãnh đạo								
1								
...								
II. Bộ phận kiểm định								
1								
...								
III. Bộ phận văn phòng								
1								
....								

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Số seri	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng ⁽¹⁾	Ghi chú
1							
...							
...							

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ - Chưa qua sử dụng/đã qua sử dụng.

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI**

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI**

Số:⁽¹⁾.....

Căn cứ ⁽²⁾

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới số ⁽³⁾ ... ngày ... tháng ... năm

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới số ⁽⁴⁾ ngày tháng năm

CHỨNG NHẬN

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới... ⁽⁵⁾...

Địa chỉ:

Số lượng dây chuyền kiểm định:

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định loại ...

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định loại ...

Loại phương tiện xe cơ giới được kiểm định⁽⁶⁾:

Loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải⁽⁶⁾:

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm duy trì các nội dung đã được kiểm tra, đánh giá và chứng nhận./.

....., ngày tháng năm

.....⁽⁷⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

⁽²⁾ Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;

⁽³⁾ Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽⁴⁾ Số biên bản kiểm tra, đánh giá;

⁽⁵⁾ Mã số cơ sở đăng kiểm được cấp giấy chứng nhận;

⁽⁶⁾ Phương tiện được kiểm định: ghi đặc trưng của phương tiện mà cơ sở đăng kiểm được thực hiện kiểm định (xe cơ giới; xe mô tô, xe gắn máy - ghi rõ loại động cơ). Chỉ ghi nội dung được chứng nhận;

⁽⁷⁾ Chức vụ, họ và tên của người ký giấy chứng nhận

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới tới Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Trường hợp Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới do Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyên kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyên kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động:

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; nếu đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyên kiểm định; thay đổi loại dây chuyên kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới:

Tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc, nếu chưa đầy đủ theo quy định, hướng dẫn cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; nếu đầy đủ theo quy định, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế.

Kiểm tra, đánh giá thực tế

Việc kiểm tra, đánh giá thực tế được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, cụ thể như sau:

- + Sở Giao thông vận tải kiểm tra, đánh giá điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới và lập biên bản;
- + Sở Giao thông vận tải đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam tham gia kiểm tra, đánh giá cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Nội dung kiểm tra, đánh giá ghi nhận vào biên bản. Khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp, việc kiểm tra, đánh giá được thay thế bằng kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp;
- + Tổng hợp kết quả và ghi nhận các nội dung.

Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

- + Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;
- + Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế không đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải ghi rõ lý do vào biên bản gửi tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới để khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới; mã số cơ sở đăng kiểm (Mã số cơ sở đăng kiểm ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện là mã số được cấp trước đây).

Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu

- + Việc khắc phục các nội dung không đạt và việc kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu;
- + Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới gửi văn bản đề nghị kiểm tra, đánh giá lại đến Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận (theo các bước nêu trên). Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt yêu cầu, kết luận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới không đủ điều kiện hoạt động

đồng thời dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới;

Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt bằng nhà xưởng có bố trí dây chuyền kiểm định thể hiện đầy đủ vị trí kiểm tra, thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ kiểm tra;

Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026);

Danh sách trích ngang nhân lực theo mẫu;

Danh sách thiết bị kiểm tra theo mẫu;

Tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi thông tin địa giới hành chính.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trường hợp Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới do Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.

Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới:

+ Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

+ Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).

+ Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

2.8. Phí, lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Văn bản đề nghị;
- Mẫu Danh sách trích ngang;
- Mẫu Danh sách thiết bị;
- Mẫu Giấy chứng nhận chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ CỞ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐĂNG KIỂM ⁽¹⁾

Số:

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG**

- ☐ Kiểm định xe cơ giới ☐ Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Kính gửi:⁽²⁾.....

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Email:
4. Đề nghị:

☐ Cấp mới

☐ Cấp lại

- Số giấy chứng nhận lần gần nhất:

- Lý do cấp lại: ☐ Mất ☐ Hỏng ☐ Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

☐ Kiểm tra, đánh giá lại

- Các nội dung đã khắc phục (theo kết luận tại biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động số):.....

.....⁽¹⁾.....cam kết các thông tin trên là chính xác.

....., ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu...

**TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG
KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM⁽¹⁾**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới;

⁽²⁾ Cơ quan thực hiện kiểm tra, đánh giá.

BẢN THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định
ngày ... tháng ... năm của ...)

Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định	Theo thực tế
I. Xưởng kiểm định			
1. Đối với xưởng chỉ có 01 dây chuyền kiểm định:			
Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I (m)	m	30 x 4 x 3,5	
Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II (m)	m	36 x 5 x 4,5	
2. Đối với xưởng nhiều dây chuyền kiểm định			
Khoảng cách giữa tâm hai dây chuyền cạnh nhau			
Dây chuyền số 1 đến dây chuyền số 2:	m	≥ 4	
Dây chuyền số 2 đến dây chuyền số 3:	m	≥ 4	
Dây chuyền số ... đến dây chuyền số ...:	m	≥ 4	
Khoảng cách từ tâm 2 dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất (hoặc tới mép gần nhất công trình cố định) của xưởng kiểm định	m	$\geq 2/\geq 2$	/.....
Chiều dài, chiều cao của kích thước thông xe tối thiểu đối với các dây chuyền kiểm định loại I	m	30 x 3,5	
Chiều dài, chiều cao của kích thước thông xe tối thiểu đối với các dây chuyền kiểm định loại II	m	36 x 4,5	
II. Yêu cầu chung			
Khu vực dành cho xe chờ vào kiểm định và xe chờ cấp kết quả kiểm định		Có	
Chiều rộng mặt đường nội bộ	m	≥ 3	
Nhà văn phòng		Có	
Khoảng cách giữa cơ sở đăng kiểm xe cơ giới với cơ sở giáo dục phổ thông, bệnh viện	m	≥ 50	

....⁽¹⁾..... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm⁽²⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm.

⁽²⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp đề nghị kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận.

MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu	Chức danh/ chức vụ	Số Chứng chỉ ĐKV	Kỹ luật (Có/Không/ Thời hạn)	Điện thoại	Ghi chú
I. Bộ phận lãnh đạo								
1								
...								
II. Bộ phận kiểm định								
1								
...								
III. Bộ phận văn phòng								
1								
....								

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Số seri	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng ⁽¹⁾	Ghi chú
1							
...							
...							

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ - Chưa qua sử dụng/dã qua sử dụng.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Số:⁽¹⁾.....

Căn cứ ⁽²⁾.....

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới số⁽³⁾ ... ngày ... tháng ... năm

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới số⁽⁴⁾....., ngày tháng năm

CHỨNG NHẬN

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới... ⁽⁵⁾...

Địa chỉ:

Số lượng dây chuyền kiểm định:

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định loại ...

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định loại ...

Loại phương tiện xe cơ giới được kiểm định⁽⁶⁾: Loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải⁽⁶⁾: Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm duy trì các nội dung đã được kiểm tra, đánh giá và chứng nhận./.

....., ngày tháng năm

.....

.....⁽⁷⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;
- (2) Các căn cứ đề cấp giấy chứng nhận;
- (3) Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;
- (4) Số biên bản kiểm tra, đánh giá;
- (5) Mã số cơ sở đăng kiểm được cấp giấy chứng nhận;
- (6) Phương tiện được kiểm định: ghi đặc trưng của phương tiện mà cơ sở đăng kiểm được thực hiện kiểm định (xe cơ giới; xe mô tô, xe gắn máy - ghi rõ loại động cơ). Chỉ ghi nội dung được chứng nhận;
- (7) Chức vụ, họ và tên của người ký giấy chứng nhận.

3. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (sau đây gọi tắt là cơ sở kiểm định khí thải) nộp bộ hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tới Sở Giao thông vận tải địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận hồ sơ

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc; nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế;

+ Trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế

Việc kiểm tra, đánh giá thực tế được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ như sau:

+ Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy để ghi nhận vào biên bản;

+ Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới và tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá, ghi nhận các nội dung tương ứng vào biên bản.

- Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế không đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải ghi rõ lý do vào biên bản và gửi cho tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải để khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; mã số cơ sở kiểm định khí thải.

- Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu

+ Việc khắc phục và kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, để tiếp tục, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu;

+ Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải gửi văn bản đề nghị theo mẫu tới Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện các bước kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận (theo các bước nêu trên). Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt yêu cầu, nêu rõ lý do không đạt và kết luận cơ sở kiểm định khí thải không đủ điều kiện hoạt động, dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;
- Bản vẽ bố trí chung của cơ sở kiểm định khí thải thể hiện được vị trí kiểm tra;
- Danh sách trích ngang nhân lực theo mẫu;
- Danh sách thiết bị kiểm tra theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).
- Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

3.8. Phí, lệ phí:

- Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Văn bản đề nghị;
- Mẫu Danh sách trích ngang;
- Mẫu Danh sách thiết bị;
- Mẫu Giấy chứng nhận chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ
SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐĂNG KIỂM ⁽¹⁾

Số:

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

☐ Kiểm định xe cơ giới

☐ Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Kính gửi:⁽²⁾.....

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:Email:

4. Đề nghị:

☐ Cấp mới

☐ Cấp lại

- Số giấy chứng nhận lần gần nhất:

- Lý do cấp lại: ☐ Mất ☐ Hỏng ☐ Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

☐ Kiểm tra, đánh giá lại

- Các nội dung đã khắc phục (theo kết luận tại biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động số):.....

.....⁽¹⁾.....cam kết các thông tin trên là chính xác.

....., ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu...

**TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG
KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM⁽¹⁾**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới;

⁽²⁾ Cơ quan thực hiện kiểm tra, đánh giá.

BẢN THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định
ngày ... tháng ... năm của ...)

TT	Nội dung	Quy định	Theo thực tế
1	Diện tích khu vực kiểm định khí thải	$\geq 15\text{m}^2$ tương ứng với 01 phương tiện đo khí thải	
2	Các thông tin niêm yết theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Có	
3	Khu vực chờ và trả kết quả kiểm định	Có	
4	Khu vực kiểm định	Có	
5	Camera giám sát khu vực kiểm định khí thải	Có	

....⁽¹⁾..... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải⁽²⁾ (Ký tên,
đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải;

⁽²⁾ Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải đối với trường hợp kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận.

MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu	Chức danh/ chức vụ	Số Chứng chỉ ĐKV	Kỷ luật (Có/Không/ Thời hạn)	Điện thoại	Ghi chú
I. Bộ phận lãnh đạo								
1								
...								
II. Bộ phận kiểm định								
1								
...								
III. Bộ phận văn phòng								
1								
....								

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Số seri	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng ⁽¹⁾	Ghi chú
1							
...							
...							

.....ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ - Chưa qua sử dụng/dã qua sử dụng.

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY**

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY**

Số: ...⁽¹⁾...

Căn cứ ⁽²⁾

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy số⁽³⁾ ... ngày ... tháng ... năm;

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải số⁽⁴⁾, ngày ... tháng ... năm

CHỨNG NHẬN

Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy...⁽⁵⁾...

Địa chỉ⁽⁶⁾:

Loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải⁽⁷⁾:

☐ Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng động cơ cháy cưỡng bức (động cơ xăng)

Số lượng thiết bị kiểm tra:

☐ Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng động cơ cháy do nén (động cơ diesel)

Số lượng thiết bị kiểm tra:

Cơ sở kiểm định khí thải có trách nhiệm duy trì cơ sở vật chất kỹ thuật đã được kiểm tra, đánh giá và chứng nhận theo quy định./.

....., ngày tháng năm

.....⁽⁸⁾

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

⁽²⁾ Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;

⁽³⁾ Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽⁴⁾ Số biên bản đánh giá;

⁽⁵⁾ Mã số cơ sở được cấp giấy chứng nhận;

⁽⁶⁾ Địa chỉ của cơ sở kiểm định khí thải;

⁽⁷⁾ Chỉ ghi các nội dung được chứng nhận;

⁽⁸⁾ Chức danh, họ tên của người ký giấy chứng nhận.

4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC :

- Cơ sở kiểm định khí thải nộp hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tới Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

** Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính:*

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc; nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở kiểm định khí thải hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, lập thông báo cho cơ sở kiểm định khí thải; nếu đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

** Trường hợp cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:*

- Tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc; nếu chưa đầy đủ theo quy định, hướng dẫn cơ sở kiểm định khí thải hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế;

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho cơ sở kiểm định khí thải; nếu đầy đủ theo quy định, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế

Việc kiểm tra, đánh giá thực tế được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ như sau:

+ Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy để ghi nhận vào biên bản;

+ Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới và tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá, ghi nhận các nội dung tương ứng vào biên bản.

- Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế không đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải ghi rõ lý do vào biên bản và gửi cho tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải để khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; mã số cơ sở kiểm định khí thải (Mã số cơ sở kiểm định khí thải ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện là mã số được cấp trước đây).

- Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu

+ Việc khắc phục và kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, để tiếp tục, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu;

+ Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải gửi văn bản đề nghị theo mẫu tới Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện các bước kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận (theo các bước nêu trên). Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt yêu cầu, nêu rõ lý do không đạt và kết luận cơ sở kiểm định khí thải không đủ điều kiện hoạt động, dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất: Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;
- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị hỏng:
- + Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị hỏng;
- Trường hợp cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi thông tin địa giới hành chính ghi trên giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:
- + Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;
- + Tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi thông tin địa giới hành chính.
- Trường hợp cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:
- + Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;
- + Bản vẽ bố trí chung của cơ sở kiểm định khí thải thể hiện được vị trí kiểm tra;
- + Danh sách trích ngang nhân lực theo mẫu;
- + Danh sách thiết bị kiểm tra theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.
- Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:
- + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).
- + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Biên bản kiểm tra, đánh giá;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

4.8. Phí, lệ phí: Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Văn bản đề nghị;
- Mẫu Danh sách trích ngang;
- Mẫu Danh sách thiết bị;
- Mẫu Giấy chứng nhận chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐĂNG KIỂM ⁽¹⁾

Số:

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

☐ Kiểm định xe cơ giới

☐ Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Kính gửi:⁽²⁾.....

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:Email:

4. Đề nghị:

☐ Cấp mới

☐ Cấp lại

- Số giấy chứng nhận lần gần nhất:

- Lý do cấp lại: ☐ Mất ☐ Hỏng ☐ Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

☐ Kiểm tra, đánh giá lại

- Các nội dung đã khắc phục (theo kết luận tại biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động số):.....

.....⁽¹⁾.....cam kết các thông tin trên là chính xác.

....., ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu...

**TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG
KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM⁽¹⁾**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới;

⁽²⁾ Cơ quan thực hiện kiểm tra, đánh giá.

BẢN THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định
ngày ... tháng ... năm của ...)

TT	Nội dung	Quy định	Theo thực tế
1	Diện tích khu vực kiểm định khí thải	$\geq 15\text{m}^2$ tương ứng với 01 phương tiện đo khí thải	
2	Các thông tin niêm yết theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Có	
3	Khu vực chờ và trả kết quả kiểm định	Có	
4	Khu vực kiểm định	Có	
5	Camera giám sát khu vực kiểm định khí thải	Có	

....⁽¹⁾.....cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải⁽²⁾ (Ký tên,
đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải;

⁽²⁾ Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải đối với trường hợp kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận.

MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu	Chức danh/ chức vụ	Số Chứng chỉ ĐKV	Kỷ luật (Có/Không/ Thời hạn)	Điện thoại	Ghi chú
I. Bộ phận lãnh đạo								
1								
...								
II. Bộ phận kiểm định								
1								
...								
III. Bộ phận văn phòng								
1								
....								

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Số seri	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng ⁽¹⁾	Ghi chú
1							
...							
...							

.....ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ - Chưa qua sử dụng/đã qua sử dụng.

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY**

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY**

Số: ...⁽¹⁾...

Căn cứ ⁽²⁾.....

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy số ⁽³⁾ ... ngày ... tháng ... năm;

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải số ⁽⁴⁾....., ngày tháng năm

CHỨNG NHẬN

Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy...⁽⁵⁾...

Địa chỉ⁽⁶⁾:

Loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải⁽⁷⁾:

☐ Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng động cơ cháy cưỡng bức (động cơ xăng)

Số lượng thiết bị kiểm tra:

☐ Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng động cơ cháy do nén (động cơ diesel)

Số lượng thiết bị kiểm tra:

Cơ sở kiểm định khí thải có trách nhiệm duy trì cơ sở vật chất kỹ thuật đã được kiểm tra, đánh giá và chứng nhận theo quy định./.

....., ngày tháng năm
.....⁽⁸⁾

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

⁽²⁾ Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;

⁽³⁾ Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽⁴⁾ Số biên bản đánh giá;

⁽⁵⁾ Mã số cơ sở được cấp giấy chứng nhận;

⁽⁶⁾ Địa chỉ của cơ sở kiểm định khí thải;

⁽⁷⁾ Chỉ ghi các nội dung được chứng nhận;

⁽⁸⁾ Chức danh, họ tên của người ký giấy chứng nhận.

PHẦN A2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG CỦA CÁC TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM

5. Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: <https://mienkd.vr.org.vn>.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra hồ sơ như sau:

+ Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp: nếu không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; nếu xe thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định theo quy định của Nghị định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới (sau đây gọi là xe bị từ chối kiểm định) hoặc đã được cấp miễn kiểm định lần đầu, thông báo gửi trực tiếp cho chủ xe. Nếu hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định và xe chưa được cấp miễn kiểm định lần đầu, lập phiếu kiểm soát kiểm định.

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống trực tuyến: cơ sở đăng kiểm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến.

- Cơ sở đăng kiểm lập phiếu hồ sơ phương tiện.

- Cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: <https://mienkd.vr.org.vn>.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp

+ Bản chà số khung, số động cơ của xe;

+ Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước).

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng

nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe.

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

5.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính

- Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối tượng miễn kiểm định lần đầu là xe chưa qua sử dụng có năm sản xuất đến năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm định dưới 02 năm (năm sản xuất cộng 01 năm) và không bao gồm: xe đã cải tạo; xe không có trong cơ sở dữ liệu xe sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Không áp dụng với đối tượng xe mô tô, xe gắn máy.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Về nội dung: ☐ Tiếp nhận hồ sơ ☐ Kiểm tra, đánh giá hồ sơ
☐ Kiểm tra, đánh giá xe ☐ Kiểm định xe

Kính gửi chủ xe:

I. Thông tin về hồ sơ/phương tiện⁽¹⁾:

.....

II. Nội dung đề nghị bổ sung, khắc phục/Nội dung không đạt⁽²⁾:

.....

III. Thông tin khác: ⁽³⁾:

.....

IV. Kết quả kiểm tra, đánh giá: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

1. Thời gian trả kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ:.....

2. Thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá xe cải tạo:.....

.....

Cơ sở đăng kiểm thông báo để chủ xe được biết và phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu ...

....., ngày tháng ... năm ...

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi biển số hoặc số khung trong trường hợp kiểm định; ghi ký hiệu thiết kế trong trường hợp cải tạo;

⁽²⁾ Ghi rõ nội dung, hạng mục kiểm định hoặc kiểm tra, đánh giá hồ sơ không đạt;

⁽³⁾ Ghi trường hợp xe bị từ chối kiểm định, xe đã được miễn kiểm định lần đầu, điều kiện đường thử phanh không đáp ứng.

6. Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ tại cơ sở đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

Trình tự, thủ tục cấp lại thực hiện như sau

- Trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai thông tin, cơ sở đăng kiểm cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đồng thời thu lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai;

- Trường hợp tem kiểm định bị hỏng nhưng có đủ thông tin để xác định số sê ri hoặc biển số xe hoặc giấy chứng nhận kiểm định bị mất, bị hỏng, cơ sở đăng kiểm cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong ngày kể từ khi nhận được hồ sơ; đồng thời thu lại giấy chứng nhận kiểm định (trừ trường hợp giấy chứng nhận kiểm định bị mất);

- Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất, cơ sở đăng kiểm lập giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định, đăng tải thông tin báo mất trên phần mềm quản lý kiểm định. Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;

- Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất: Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

6.8. Phí, lệ phí:

- Giá dịch vụ in lại giấy chứng nhận: 23.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định tem kiểm định xe cơ giới.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định;

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Việc cấp lại được thực hiện trong các trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai thông tin, bị hỏng, bị mất. Chủ xe không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm tra, đánh giá lại.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giá dịch vụ lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới được miễn kiểm định lần đầu và dịch vụ in lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định đối với xe cơ giới.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH; GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO

☐ Giấy chứng nhận (GCN) kiểm định ☐ Tem kiểm định ☐ GCN cải tạo

Kính gửi:

Chủ xe:

Địa chỉ:

Người đại diện chủ xe/Tổ chức:

Số điện thoại:

Thông tin của xe:

- Biển số đăng ký hoặc số khung:

- Số giấy chứng nhận cải tạo đã cấp:

- Ký hiệu thiết kế:

- Loại phương tiện:

Lý do đề nghị cấp lại:

Kiểm định: Mất (Tem ☐ GCN☐) Hỏng (Tem ☐ GCN ☐) Sai thông tin ☐

GCN cải tạo: Mất ☐ Hỏng ☐ Sai thông tin ☐ Hết hiệu lực ☐

Tôi (Chủ xe/Tên tổ chức) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung đơn đề nghị này.

Nơi nhận

Như kính gửi;

.....;

Lưu:

Chủ xe/đại diện tổ chức

(Ký, ghi rõ họ tên)

7. Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ đề nghị cấp lại đến Cơ sở đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

** Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin*

- Cơ sở đăng kiểm thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận cải tạo trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác.

** Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật*

- Cơ sở đăng kiểm tiến hành kiểm tra đối chiếu các thông số kỹ thuật của xe cơ giới thực tế với giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo (hoặc dữ liệu lưu trữ trong phần mềm quản lý cải tạo xe nếu chủ xe không xuất trình được giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo đã được cấp), trường hợp phù hợp thì cấp lại giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo cho chủ xe; trường hợp không phù hợp, cơ sở đăng kiểm cấp thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin*

- Giấy tờ phải nộp:

+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

+ Giấy chứng nhận cải tạo bị hỏng hoặc bị sai thông tin.

- Giấy tờ phải xuất trình: giấy tờ về đăng ký xe (gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe) hoặc bản chính chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

** Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật*

- Giấy tờ phải nộp:

+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

+ Giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo được cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Giấy tờ phải xuất trình: giấy tờ về đăng ký xe (gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe) hoặc bản chính chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác.

- Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận cải tạo.

7.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu;

- Mẫu Giấy chứng nhận cải tạo.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận cải tạo được cấp lại trong các trường hợp: bị mất, hỏng, sai thông tin. Chủ xe không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm tra, đánh giá lại.
- Giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận cải tạo, chủ xe có nhu cầu cấp lại để thực hiện việc cấp đổi chứng nhận đăng ký. Chủ xe phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm tra đối chiếu với giấy chứng nhận cải tạo.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;
- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;
- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM
KIỂM ĐỊNH; GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH;
GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO**

☐ Giấy chứng nhận (GCN) kiểm định ☐ Tem kiểm định ☐ GCN cải tạo

Kính gửi:

Chủ xe:

Địa chỉ:

Người đại diện chủ xe/Tổ chức:

Số điện thoại:

Thông tin của xe:

- Biển số đăng ký hoặc số khung:
- Số giấy chứng nhận cải tạo đã cấp:
- Ký hiệu thiết kế:
- Loại phương tiện:

Lý do đề nghị cấp lại:

Kiểm định: Mất (Tem ☐ GCN ☐) Hỏng (Tem ☐ GCN ☐) Sai thông tin ☐

GCN cải tạo: Mất ☐ Hỏng ☐ Sai thông tin ☐ Hết hiệu lực ☐

Tôi (Chủ xe/Tên tổ chức) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung đơn đề nghị này.

Nơi nhận

Như kính gửi;

.....;

Lưu:

Chủ xe/đại diện tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO**Mẫu số 01. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)****CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:⁽¹⁾.....**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu/số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số:

ngày .../.../.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT & BVMT xe cải tạo số:

ngày .../.../.....

NỘI DUNG CẢI TẠO

.....

.....

.....

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT ⁽²⁾

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe cơ giới trước cải tạo	Xe cơ giới sau cải tạo
1	Loại phương tiện	---		
2	Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường	---	☐ Có	☐ Có
3	Cho phép tự động hóa điều khiển	---	☐ Một phần ☐ Toàn phần	☐ Một phần ☐ Toàn phần

4	Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)	mm			
5	Khoảng cách trục	mm			
6	Vết bánh xe (trước/sau)	mm			
7	Khối lượng bản thân	kg			
8	Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái)	người			
9	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông	kg			
10	Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông	kg			
11	Động cơ				
...	Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới nếu có thay đổi do cải tạo				

Xe cơ giới đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXCG. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXCG.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe cơ giới và điền vào bảng.

Mẫu số 02. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe máy chuyên dùng**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(MÃ SỐ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:.....⁽¹⁾.....**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE MÁY CHUYÊN DÙNG CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu/số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thi công cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ngày .../.../..... Biên

bản kiểm tra, đánh giá ATKT & BVMT xe cải tạo số:..... ngày .../.../.....

NỘI DUNG CẢI TẠO

.....

.....

.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ⁽²⁾

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe máy chuyên dùng trước cải tạo	Xe máy chuyên dùng sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
3	Ký hiệu/loại động cơ			
4	Công suất lớn nhất/tốc độ quay	kW/rpm		
5	Khối lượng bản thân	kg		

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe máy chuyên dùng trước cải tạo	Xe máy chuyên dùng sau cải tạo
1				

Xe máy chuyên dùng đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

⁽¹⁾ Ghi số giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMD. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMD.

⁽²⁾ Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe máy chuyên dùng và điền vào bảng.

Mẫu số 03. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe mô tô, xe gắn máy**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:.....⁽¹⁾.....**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu/số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thi công cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ngày
.../.../.....Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT &BVMT xe cải tạo số: ngày
.../.../.....**NỘI DUNG CẢI TẠO**

.....

.....

.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ⁽²⁾

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe mô tô, xe gắn máy trước cải tạo	Xe mô tô, xe gắn máy sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Khối lượng bản thân	kg		
5	Số người cho phép chở	người		

6	Khối lượng toàn bộ	kg			
7	Động cơ				
.....	Các thông số kỹ thuật khác của xe mô tô, xe gắn máy nếu có thay đổi				

Xe mô tô, xe gắn máy đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(¹) Ghi số giấy chứng nhận xe mô tô, xe gắn máy cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMM. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMM.

(²) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe mô tô, xe gắn máy và điền vào bảng.

8. Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ tại Cơ sở đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, tra cứu thông tin của xe mô tô, xe gắn máy trên phần mềm quản lý kiểm định và đối chiếu chứng nhận đăng ký xe với xe mô tô, xe gắn máy thực tế: trường hợp xe thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp xe không thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định, lập phiếu kiểm soát kiểm định.

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm định khí thải ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ, nếu kết quả kiểm định không đạt yêu cầu, cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp kết quả đạt yêu cầu thì cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định khí thải theo thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểm định khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến: cơ sở đăng kiểm xác nhận lịch hẹn kiểm định khí thải đồng thời thông báo với chủ xe về thời gian thực hiện kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến thì cơ sở đăng kiểm thực hiện với trường hợp nhận trực tiếp.

- Chứng nhận kiểm định khí thải cấp cho xe mô tô, xe gắn máy là bản điện tử được tích hợp dữ liệu với tài khoản định danh điện tử của chủ xe, cụ thể như sau:

+ Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lần đầu.

+ Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy định kỳ.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Chủ xe xuất trình một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ.

- Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

8.8. Phí, lệ phí:

- Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối với các xe mô tô, xe gắn máy có thời gian tính từ năm sản xuất đến 05 năm, chủ xe không phải nộp hồ sơ kiểm định khí thải và không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định khí thải. Giấy chứng nhận kiểm định khí thải đối với các xe mô tô, xe gắn máy được Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện cấp trên phần mềm quản lý kiểm định trên cơ sở kết quả chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu lấy từ dữ liệu lưu trữ của Cục Đăng kiểm Việt Nam kết hợp cơ sở dữ liệu về đăng ký, quản lý xe cơ giới của Bộ Công an.

- Áp dụng đối với xe mô tô, xe gắn máy có thời gian tính từ năm sản xuất trên 05 năm.

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Mẫu Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lần đầu

BỘ GIAO THÔNG VẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT	Độc lập – Tự do – Hạnh
CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY LẦN ĐẦU	
Số ⁽¹⁾	
Biển số đăng ký..... tên.....	Loại phương tiện.....
Nhãn hiệu:..... mã:.....	Tên thương mại.....
Năm/Nước sản xuất:.....	Mã kiểu.....
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi	
Cho phép tự động	☐ Một phần / ☐ Toàn
Số khung:.....	Số động
Khối lượng bản	Số người cho phép chở (kể cả người

Chú thích:

⁽¹⁾ Số giấy chứng nhận được cấp theo cấu trúc sau: “VR/XX/YYYYYYY”, trong đó:

- “VR”: tên viết tắt của Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- “XX”: gồm 02 ký tự bằng số thể hiện 02 số cuối của năm cấp miễn kiểm định khí thải;
- “YYYYYYY”: gồm 07 ký tự bằng số thể hiện số thứ tự xe mô tô, xe gắn máy được cấp miễn kiểm định khí thải trong năm.

Ví dụ: Xe thứ 1234567 được cấp miễn trong năm 2025 thì số giấy chứng nhận: VR/25/1234567.

Mẫu Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy định kỳ

CƠ SỞ ĐĂNG		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	
MÃ SỐ:..... ⁽¹⁾		Độc lập – Tự do – Hạnh	
CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY ĐỊNH KỲ			
Số..... ⁽²⁾			
Biển số đăng ký.....		Loại phương tiện.....	
Nhãn hiệu:.....		Tên thương mại:.....	
Năm/Nước sản xuất:.....		Mã kiểu.....	
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi			
Cho phép tự động		☐ Một phần / ☐ Toàn	
Số khung:.....		Số động	
Khối lượng bản		Số người cho phép chở (kể cả người	

Chú thích:

(1) Mã số cơ sở đăng kiểm;

(2) Số giấy chứng nhận được cấp gồm 03 phần được ngăn cách với nhau bởi dấu “/” theo cấu trúc sau:

- Phần 1: mã số cơ sở đăng kiểm;
- Phần 2: gồm 02 ký tự bằng số thể hiện 02 số cuối của năm kiểm định khí thải;
- Phần 3: gồm 05 ký tự bằng số thể hiện số thứ tự xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải trong năm tại cơ sở đăng kiểm hoặc cơ sở kiểm định khí thải.

Ví dụ: 2903V/25/12345, 29034/25/99999, 280001XM/25/45678.

9. Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ tại cơ sở đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

**Thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ*

- Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp: cơ sở đăng kiểm tiến hành kiểm tra, đánh giá hồ sơ ngay trong ngày nhận được hồ sơ, cụ thể như sau:

+ Kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; trường hợp xe bị từ chối kiểm định thì lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định thì lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe;

+ Kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; đối với xe bị từ chối kiểm định, xe không thuộc đối tượng kiểm định, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm không đáp ứng quy định, lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, xe thuộc đối tượng kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm đáp ứng quy định, lập giấy hẹn lịch kiểm định gửi cho chủ xe; lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến: cơ sở đăng kiểm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến và gửi thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ hoặc lịch hẹn đưa xe đến kiểm định cho chủ xe qua hệ thống bưu chính hoặc trên hệ thống trực tuyến.

- Trường hợp xe chưa có dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì cơ sở đăng kiểm lập bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe để làm căn cứ lập hồ sơ phương tiện.

** Thực hiện kiểm tra, đánh giá xe cơ giới*

- Cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu xe thực tế với giấy tờ về đăng ký xe: trường hợp có sự sai khác, thông báo cho chủ xe; trường hợp không có sự sai khác, lập phiếu hồ sơ phương tiện đối với trường hợp kiểm định lần đầu và thực hiện việc kiểm tra, đánh giá xe.

- Việc kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới phải được thực hiện đầy đủ các hạng mục quy định tại Quy chuẩn về kiểm định xe cơ giới và thực hiện theo 05 công đoạn sau:

- + Công đoạn 1: kiểm tra nhận dạng, tổng quát;
- + Công đoạn 2: kiểm tra phần trên của phương tiện;
- + Công đoạn 3: kiểm tra hiệu quả phanh và trượt ngang;

- + Công đoạn 4: kiểm tra môi trường;
- + Công đoạn 5: kiểm tra phần dưới của phương tiện.

Việc kiểm tra, đánh giá hạng mục kiểm tra hiệu quả phanh, trượt ngang đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm được thực hiện trên đường, cơ sở đăng kiểm ghi nhận kết quả trong phiếu kiểm tra phanh, trượt ngang và đính kèm cùng với phiếu kiểm định xe cơ giới khi kết thúc kiểm tra.

- Cơ sở đăng kiểm thực hiện chụp ảnh xe cơ giới tại địa điểm thực hiện kiểm định, đảm bảo ảnh chụp có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh).

- Kết quả kiểm định được thể hiện trên phiếu kiểm định xe cơ giới và được xử lý như sau:

+ Xe được thực hiện các quy trình để cấp giấy chứng nhận kiểm định khi không có khiếm khuyết hoặc chỉ có khiếm khuyết, hư hỏng không quan trọng (MiD);

+ Xe phải sửa chữa để kiểm định lại khi có khiếm khuyết, hư hỏng quan trọng (MaD);

+ Xe không được tham gia giao thông và phải sửa chữa để kiểm định lại khi có khiếm khuyết, hư hỏng nguy hiểm (DD).

- Cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định hoặc thông báo kết quả không đạt đối với trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm:

+ Trường hợp xe cơ giới có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm thực hiện lập thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá, nhập nội dung không đạt vào phần mềm quản lý kiểm định để cảnh báo ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp thực hiện kiểm định lại ngay trong ngày thì cơ sở đăng kiểm chỉ kiểm tra, đánh giá lại các hạng mục không đạt trước đó; đối với xe cơ giới có kết quả kiểm tra, đánh giá ở các hạng mục liên quan đến hệ thống phanh, hệ thống lái, đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ các hạng mục thuộc hệ thống phanh, hệ thống lái. Trường hợp kiểm định lại vào ngày khác hoặc bởi cơ sở đăng kiểm khác thì tiến hành lại từ đầu trình tự, thủ tục kiểm định.

+ Trường hợp xe cơ giới có kết quả kiểm định đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, dán tem kiểm định; thực hiện việc gỡ cảnh báo kiểm định không đạt đối với trường hợp có cảnh báo về kết quả kiểm định không đạt trước đó ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

- Cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định hoặc thông báo kết quả không đạt đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm

+ Trường hợp xe cơ giới có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm thực hiện lập thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá, nhập nội dung không đạt vào phần mềm quản lý kiểm định để cảnh báo ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp thực hiện kiểm định lại ngay trong ngày, cơ sở đăng kiểm chỉ kiểm tra, đánh giá lại các hạng mục không đạt trước đó; đối với xe cơ giới có kết quả kiểm tra, đánh giá ở các hạng mục liên quan đến hệ thống phanh, hệ thống lái, đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ các hạng mục thuộc hệ thống phanh, hệ thống lái. Trường hợp kiểm định lại vào ngày khác hoặc bởi cơ sở đăng kiểm khác thì tiến hành lại từ đầu trình tự, thủ tục kiểm định.

+ Trường hợp xe cơ giới có kết quả kiểm định đạt yêu cầu: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định và gửi cho chủ xe; thực hiện việc gỡ cảnh báo kiểm định không đạt đối với trường hợp có cảnh báo về kết quả kiểm định không đạt trước đó ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp kiểm định lần đầu

- Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị);

+ Bản chà số khung, số động cơ của xe;

+ Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước);

+ Bản chính giấy chứng nhận cải tạo của xe (đối với xe cải tạo).

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa

lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

* Trường hợp kiểm định định kỳ

- Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị);

+ Bản chà số khung, số động cơ của xe (đối với xe có thay đổi số khung, số động cơ).

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

* Trường hợp kiểm định đối với xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời

- Xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ: xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.

- Xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải:

+ Giấy tờ xuất trình: bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời;

+ Giấy tờ phải nộp:

(1) Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải, bản thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải theo mẫu;

(2) Bản dịch thuật tiếng việt có chứng thực phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài.

- Xe nhập khẩu (không thuộc trường hợp: xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ; xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải): xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;
- Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe:
- + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định.
- + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn.
- Thời hạn trả kết quả:
- + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá;
- + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;
- Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;
- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

9.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.
- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; Bản Thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải;

- Mẫu Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm;
- Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Xe cơ giới đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn về kiểm định xe cơ giới;
- Không áp dụng với đối tượng xe mô tô, xe gắn máy.

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;
- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;
- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU CHẠY RÀ TRƯỚC KHI THỬ NGHIỆM KHÍ THẢI

CƠ SỞ NHẬP KHẨU

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU CHẠY RÀ TRƯỚC KHI THỬ NGHIỆM KHÍ THẢI

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

Căn cứ Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Cơ sở nhập khẩu: Địa chỉ:

..... Số điện thoại:

..... Email: Người liên hệ:

..... Số điện thoại:

Đề nghị cơ sở đăng kiểm (mã số) kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới do công ty chúng tôi nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải.

Chúng tôi xin gửi kèm văn bản này bản thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải và bản dịch thuật có chứng thực giấy chứng nhận xuất xưởng của nhà sản xuất chiếc xe này.

Chúng tôi cam kết các thông tin cung cấp là hoàn toàn chính xác, đồng thời cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn trong quá trình di chuyển trên đường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

....., ngày tháng năm

Cơ sở nhập khẩu

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BẢN THÔNG SỐ KỸ THUẬT
XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU CHẠY RÀ TRƯỚC KHI THỬ NGHIỆM KHÍ
THẢI**

(Kèm theo văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải số ngày...../...../.....)

THÔNG TIN CHUNG

Cơ sở nhập khẩu:	Điện thoại:
Địa chỉ:	
Loại phương tiện:	Mã số VIN:
Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường:	☐
Cho phép tự động hóa:	☐ Một phần / ☐ Toàn phần
Nhãn hiệu/Tên thương mại:	Mã kiểu loại:
Số khung:	Vị trí:
Số động cơ:	Vị trí:
Năm sản xuất:	Nước sản xuất:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thông số kích thước, khối lượng cơ bản	
Kích thước bao (DxRxH) (mm):	
Kích thước lòng/bao thùng xe/ bao ngoài xi téc (mm):	
Công thức bánh xe:	Vết bánh xe (mm):
Khoảng cách trục (mm):	Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái)
Khối lượng bản thân (kg):	Khối lượng kéo theo thiết kế/cho phép lớn nhất (kg):
Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (kg):	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất (kg):
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (kg):	Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất (kg):
Động cơ đốt trong	
Ký hiệu:	Loại động cơ:
Loại nhiên liệu:	Thể tích làm việc (cm ³):
Xe hybrid: ☐ Có sạc ngoài / ☐ Không có sạc ngoài	Mô men xoắn lớn nhất/Tốc độ quay (N.m/rpm):
Công suất lớn nhất/Tốc độ quay (kW/rpm):	
Động cơ điện	
Ký hiệu:	Loại động cơ:
Công suất lớn nhất của động cơ điện (kW):	Loại ắc quy/điện áp-dung lượng (V-Ah):

Hệ thống truyền lực			
Kiểu ly hợp:		Dẫn động ly hợp:	
Kiểu hộp số chính:	Số cấp	Có hộp số phụ:	Số cấp tiến:
Tiền:			
Trục dẫn hướng:		Trục chủ động:	
Hệ thống lái			
Kiểu cơ cấu lái:		Kiểu dẫn động:	
Hệ thống phanh			
Cơ cấu phanh: (trục 1, trục 2, ...)		Kiểu dẫn động phanh chính:	
Loại phanh đỗ:		Loại phanh hỗ trợ:	
Thông tin các trục			
Kiểu treo	Kiểu giảm chấn	Số lốp	Cỡ lốp
Thiết bị đặc trưng:			
(Mô tả thiết bị đặc trưng nếu có)			

Chúng tôi cam kết bản thông số kỹ thuật này phù hợp với kiểu loại xe cơ giới đã đăng ký và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các vấn đề phát sinh liên quan đến bản thông số này.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

Căn cứ Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Người đề nghị: Địa chỉ:
 Điện thoại:
; Email:.....

Đề nghị cơ sở đăng kiểm (mã số) đến kiểm định cho các phương tiện được liệt kê ở bảng sau:

STT	Biển số	Số khung	Số máy	Ngày hết hạn kiểm định
1	29C-12345			
2				

Đường kiểm tra phanh⁽¹⁾:
 Thời gian kiểm định: Địa
 điểm kiểm định:

..., ..., ngày... tháng... năm

Người đề nghị
 (ký và ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾Người đề nghị mô tả thông tin về đường kiểm tra phanh gồm: chiều dài, chiều rộng, loại mặt đường.

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Về nội dung: ☐ Tiếp nhận hồ sơ ☐ Kiểm tra, đánh giá hồ sơ
 ☐ Kiểm tra, đánh giá xe ☐ Kiểm định xe

Kính gửi chủ xe:

I. Thông tin về hồ sơ/phương tiện⁽¹⁾:

.....

II. Nội dung đề nghị bổ sung, khắc phục/Nội dung không đạt⁽²⁾:

.....

III. Thông tin khác: ⁽³⁾:

.....

IV. Kết quả kiểm tra, đánh giá: ☐ Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu

1. Thời gian trả kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ:.....

2. Thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá xe cải tạo:.....

.....

Cơ sở đăng kiểm thông báo để chủ xe..... được biết và phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu ...

....., ngày tháng ... năm ...

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi biển số hoặc số khung trong trường hợp kiểm định; ghi ký hiệu thiết kế trong trường hợp cải tạo;

⁽²⁾ Ghi rõ nội dung, hạng mục kiểm định hoặc kiểm tra, đánh giá hồ sơ không đạt;

⁽³⁾ Ghi trường hợp xe bị từ chối kiểm định, xe đã được miễn kiểm định lần đầu, điều kiện đường thử phanh không đáp ứng.

10. Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ đến Cơ sở đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp không đầy đủ hướng dẫn chủ xe bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp đầy đủ, lập phiếu tiếp nhận hồ sơ, thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo.

- Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trừ các trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo theo quy định khoản 5 Điều 20 Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT), cơ sở đăng kiểm thực hiện như sau:

+ Trường hợp nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo đáp ứng theo quy định và nội dung thiết kế phù hợp các quy chuẩn về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe thông tin về thời gian và địa điểm kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo;

+ Trường hợp nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo không đủ nội dung theo quy định, hoặc có nội dung không phù hợp với các quy chuẩn về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe ghi rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo, chủ xe có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thiết kế cải tạo; khi nhận được hồ sơ thiết kế bổ sung, sửa đổi, cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo theo quy định tại điểm a khoản này; quá thời hạn trên, thủ tục chứng nhận được thực hiện lại từ đầu.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo

+ Đối với xe cải tạo phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo: trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế, cơ sở đăng kiểm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá xe cải tạo theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn quốc gia về kiểm định xe cơ giới, kiểm tra, đánh giá các hạng mục cải tạo của xe đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; lập biên bản kiểm tra, đánh giá.

+ Đối với xe cải tạo không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ, cơ sở đăng kiểm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá xe cải tạo theo Quy chuẩn quốc gia về kiểm định xe cơ giới, đảm bảo các hạng mục cải tạo của xe đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới; lập biên bản kiểm tra, đánh giá.

- Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

- + Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu: cấp giấy chứng nhận cải tạo đồng thời cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định cho xe;
- + Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu: lập thông báo. Chủ xe được khắc phục các nội dung không đạt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo; quá thời hạn nêu trên, chủ xe không khắc phục hoặc kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt, thực hiện thủ tục lại từ đầu.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống trực tuyến.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Hồ sơ đề nghị chứng nhận xe cơ giới cải tạo (trừ xe mô tô, xe gắn máy)*

- Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu;

+ Hồ sơ thiết kế cải tạo;

+ Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo gồm: 01 ảnh chụp tổng thể được chụp chéo góc khoảng 45 độ phía trước, 01 ảnh chụp chéo góc khoảng 45 độ phía sau góc đối diện của xe cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo; ảnh chụp kết cấu khung xương ở trạng thái chưa bọc vật liệu phủ của xe cơ giới đối với các trường hợp: cải tạo toàn bộ buồng lái, thân xe, khoang chở khách của xe chở người, cải tạo lắp mới thùng xe tải thành xe tải thùng kín (có hai mặt của vách thùng xe được bọc kín), xe tải bảo ôn, xe tải đông lạnh;

+ Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo (bản chính hoặc bản điện tử) của cơ sở cải tạo xe theo mẫu;

+ Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo theo mẫu;

+ Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo;

+ Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế theo mẫu đối với trường hợp xe cơ giới cải tạo được sử dụng chung hồ sơ thiết kế;

+ Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường (trừ các trường hợp: Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô; Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe);

+ Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận cải tạo không phải là chủ sở hữu.

Các giấy tờ: Hồ sơ thiết kế cải tạo; Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo; Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo; Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo; Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo; Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế không áp dụng đối với trường hợp xe cải tạo không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo.

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản sao hoặc bản điện tử) đối với thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên, thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m) xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

** Hồ sơ đề nghị chứng nhận Xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) có: khối lượng bản thân; kết cấu, kích thước thùng hàng; kích thước bao của xe khác với giấy chứng nhận kiểm định lần gần nhất trước ngày 01/01/2025*

- Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu;

+ Hồ sơ thiết kế cải tạo;

+ Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế theo mẫu đối với trường hợp xe cơ giới cải tạo được sử dụng chung hồ sơ thiết kế;

+ Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường (trừ các trường hợp: Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô; Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe);

+ Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận cải tạo không phải là chủ sở hữu.

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản sao hoặc bản điện tử) đối với thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên, thiết bị nâng

người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m) xi téc chờ khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

** Hồ sơ đề nghị chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo; xe mô tô, xe gắn máy cải tạo*

- Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu;

+ Hồ sơ thiết kế cải tạo;

+ Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo gồm: 01 ảnh chụp tổng thể được chụp chéo góc khoảng 45 độ phía trước, 01 ảnh chụp chéo góc khoảng 45 độ phía sau góc đối diện của xe cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo;

+ Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo (bản chính hoặc bản điện tử) của cơ sở cải tạo xe theo mẫu;

+ Bảng kê các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo theo mẫu;

+ Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo; tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo;

+ Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục (không áp dụng với xe máy chuyên dùng) của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường;

+ Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận xe cải tạo không phải là chủ sở hữu.

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản sao hoặc bản điện tử) đối với thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000kg trở lên, thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m) xi téc chờ khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ theo quy định);

- Cấp Giấy chứng nhận:

- + Trường hợp xe phải lập hồ sơ thiết kế: 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.
- + Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận cải tạo;
- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

10.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.
- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo;
- Mẫu Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo;
- Mẫu Giấy chứng nhận cải tạo;
- Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe hoặc xe đã qua sử dụng được nhập khẩu có sự thay đổi đặc điểm dẫn đến thay đổi về kiểu loại xe theo quy định về sản phẩm cùng kiểu loại của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phải thực hiện thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo (sau đây viết tắt là chứng nhận cải tạo).
- Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất của xe cải tạo không vượt quá giá trị khối

lượng toàn bộ theo thiết kế của nhà sản xuất xe (khối lượng toàn bộ của xe trước cải tạo), giá trị phân bố của khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất lên các trục không vượt quá tải trọng trục lớn nhất của nhà sản xuất và quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Trường hợp cải tạo động cơ thì động cơ cải tạo phải có giá trị công suất lớn nhất theo công bố của nhà sản xuất động cơ nằm trong khoảng từ 90% đến 120% so với giá trị công suất lớn nhất của động cơ theo thiết kế của nhà sản xuất xe.

- Các trường hợp cải tạo xe cơ giới phải được thiết kế và thi công bởi nhà sản xuất xe hoặc đại diện ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất gồm:

+ Cải tạo thay đổi kích cỡ lốp, số trục và vết bánh xe của xe cơ giới;

+ Cải tạo thay đổi khoảng cách giữa các trục của xe cơ giới;

+ Cải tạo thay thế khung xe; cải tạo nổi dầm sát xi;

+ Cải tạo các hệ thống phanh, hệ thống treo và hệ thống lái của xe cơ giới (trừ trường hợp: cải tạo lắp đặt hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ trên xe tập lái, xe sát hạch lái xe; cải tạo đề cung cấp năng lượng và điều khiển hệ thống phanh của rơ moóc, sơ mi rơ moóc; cải tạo các cơ cấu điều khiển và ghế ngồi phù hợp với chức năng vận động của người khuyết tật điều khiển xe).

- Xe cải tạo phải lập hồ sơ thiết kế, trừ các trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo sau đây:

+ Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô;

+ Xe ô tô PICKUP được lắp đặt hoặc thay thế, tháo bỏ nắp che khoang chở hàng, hành lý làm thay đổi kích thước lòng thùng hàng vượt quá sai số cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe;

+ Xe được tháo bỏ hệ thống cung cấp nhiên liệu sử dụng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) hoặc khí thiên nhiên nén (CNG) cho động cơ của xe đối với xe cơ giới đã cải tạo lắp đặt thêm hệ thống cung cấp nhiên liệu (LPG, CNG) trở về chỉ sử dụng hệ thống cung cấp nhiên liệu của ô tô trước khi cải tạo hệ thống cung cấp nhiên liệu;

+ Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe;

+ Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ bơm, thùng dầu và hệ thống đường ống thủy lực của ô tô đầu kéo để dẫn động cho hệ thống nâng hạ thùng hàng của sơ mi rơ moóc tải tự đổ;

+ Xe được thay đổi số lượng, vị trí, kết cấu cửa xếp dỡ hàng hóa của thùng hàng hoặc vật liệu bọc, lót thùng hàng của ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc vượt quá sai số cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe;

+ Xe được lắp thêm hoặc tháo bỏ hoặc thay thế thiết bị nâng hạ hàng hóa của

thùng hàng của xe ô tô đã có giấy chứng nhận kiểm định an toàn của cơ quan có thẩm quyền;

+ Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ mui gió trên nóc ca bin ô tô đầu kéo;

+ Xe có thay đổi về khối lượng bản thân, khối lượng hàng chuyên chở khác với chứng nhận đăng ký xe nhưng có các thông số kỹ thuật và hình ảnh phù hợp với giấy chứng nhận kiểm định được cấp ở lần gần nhất.

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;

- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN XE CẢI TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN XE CẢI TẠO

- ☐ Xe cơ giới ☐ Xe máy chuyên dùng ☐ Xe mô tô, xe gắn máy
☐ Lăn đầu ☐ Kiểm tra, đánh giá lại xe ☐ Kiểm tra, đánh giá lại hồ sơ

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

(Chủ xe):

Địa chỉ:

Đề nghị cơ sở đăng kiểm chứng nhận xe cải tạo như sau:

1. Đặc điểm xe trước cải tạo:

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):
- Số khung:
- Số động cơ:
- Nhãn hiệu - số loại:

2. Căn cứ đề nghị kiểm tra, đánh giá:

- Hồ sơ thiết kế có ký hiệu của cơ sở thiết kế
- Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số ngày /.../.... của cơ sở cải tạo.....

3. Nội dung thi công cải tạo:

(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe)

(Chủ xe) xin cam kết và chịu trách nhiệm về chiếc xe có thông tin tại Mục 1 nêu trên đã được thi công cải tạo đúng với thiết kế và đạt yêu cầu.

Chủ xe

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

Trường hợp miễn thiết kế, tại mục 2, chủ phương tiện khai báo phương tiện thuộc đối tượng miễn lập hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo và cam kết chịu trách nhiệm về phương tiện đã được thi công đảm bảo đúng quy định và đạt yêu cầu.

MẪU BẢNG KÊ CÁC HỆ THỐNG, TỔNG THÀNH THAY THẾ

(CƠ SỞ CẢI TẠO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày thángnăm

BẢNG KÊ CÁC HỆ THỐNG, TỔNG THÀNH THAY THẾ

Kính gửi:

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu/Tên thương mại:

Số khung:

Ký hiệu thiết kế:

Mã kiểu loại:

Số động cơ:

TT	Tổng thành, hệ thống	Nguồn gốc			Nơi sản xuất ⁽²⁾	Số giấy chứng nhận ⁽³⁾	Ghi chú
		Nhập khẩu	Tự sản xuất	Mua trong nước ⁽¹⁾			
1. Động cơ							
1.1 ...							
2. Hệ thống lái							
3. Hệ thống phanh							
3.1 Bình khí nén							

3.2	...								
4.	Hệ thống điện, đèn chiếu sáng và tín hiệu								
4.1	Đèn chiếu sáng phía trước								
4.2									
.....									

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

....., ngày.... tháng năm.....

Cơ sở cải tạo

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Đối với trường hợp sử dụng lại động cơ của xe đã qua sử dụng thì ghi rõ biển số/số khung của xe tháo động cơ để sử dụng.
- (2) Phụ tùng nhập khẩu ghi nước sản xuất; phụ tùng mua trong nước ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở sản xuất.
- (3) Áp dụng với chi tiết, hệ thống, tổng thành phải có giấy chứng nhận.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO

Mẫu số 01. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽¹⁾.....

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI CẢI TẠO

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu/số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số:

ngày .../.../.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATK & BVMT xe cải tạo số:

ngày .../.../.....

NỘI DUNG CẢI TẠO

.....

.....

.....

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT ⁽²⁾

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe cơ giới trước cải tạo	Xe cơ giới sau cải tạo
1	Loại phương tiện	---		
2	Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường	---	☐ Có	☐ Có

3	Cho phép tự động hóa điều khiển	---	☐ Một phần ☐ Toàn phần	☐ Một phần ☐ Toàn phần
4	Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)	mm		
5	Khoảng cách trục	mm		
6	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
7	Khối lượng bản thân	kg		
8	Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái)	người		
9	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông	kg		
10	Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông	kg		
11	Động cơ			
...	Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới nếu có thay đổi do cải tạo			

Xe cơ giới đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

⁽¹⁾ Ghi số giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXCG. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXCG.

⁽²⁾ Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe cơ giới và điền vào bảng.

Mẫu số 02. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe máy chuyên dùng**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(MÃ SỐ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:.....⁽¹⁾.....**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE MÁY CHUYÊN DÙNG CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu/số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thi công cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ngày .../.../.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT & BVMT xe cải tạo số: ngày .../.../.....

NỘI DUNG CẢI TẠO

.....

.....

.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ⁽²⁾

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe máy chuyên dùng trước cải tạo	Xe máy chuyên dùng sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
3	Ký hiệu/loại động cơ			
4	Công suất lớn nhất/tốc độ quay	kW/rpm		
5	Khối lượng bản thân	kg		

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe máy chuyên dùng trước cải tạo	Xe máy chuyên dùng sau cải tạo
1				

Xe máy chuyên dùng đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMD. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMD.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe máy chuyên dùng và điền vào bảng.

Mẫu số 03. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe mô tô, xe gắn máy**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:.....⁽¹⁾.....**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY CẢI TẠO**

Biên số đăng ký:

Nhãn hiệu/số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thi công cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số:
ngày .../.../.....Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT &BVMT xe cải tạo số:
ngày .../.../.....**NỘI DUNG CẢI TẠO**

.....

.....

.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ⁽²⁾

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Xe mô tô, xe gắn máy trước cải tạo	Xe mô tô, xe gắn máy sau cải tạo
1	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Khối lượng bản thân	kg		
5	Số người cho phép chở	người		

6	Khối lượng toàn bộ	kg		
7	Động cơ			
.....	Các thông số kỹ thuật khác của xe mô tô, xe gắn máy nếu có thay đổi			

Xe mô tô, xe gắn máy đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

(1) Ghi số giấy chứng nhận xe mô tô, xe gắn máy cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMM. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMM.

(2) Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe mô tô, xe gắn máy và điền vào bảng.

A2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH DÙNG CHUNG TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ;

1. Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Giao thông vận tải/UBND cấp huyện/UBND cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Đối với hồ sơ nộp gián tiếp, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ, có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép thi công, trường hợp không cấp phép thi công phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản vẽ thiết kế thi công có các thông tin về vị trí và lý trình công trình đường bộ, bản vẽ phải thể hiện: diện tích, kích thước công trình trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình đề nghị cấp phép đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình;

- Đối với công trình đề nghị cấp giấy phép thi công trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, ngoài Bản vẽ thiết kế thi công phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng, phương ngang từ mép công trình đề nghị cấp phép đến bề mặt và mép ngoài dải phân cách giữa;

- Đối với công trình đề nghị cấp giấy phép thi công lắp đặt vào cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ có kết cấu phức tạp khác thì ngoài Bản vẽ thiết kế thi công phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và kết quả tính toán khả năng chịu lực

của công trình đường bộ do tổ chức tư vấn đủ năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng thực hiện;

- Bản vẽ thiết kế hoàn trả công trình đường bộ bị ảnh hưởng; bản vẽ và thuyết minh: biện pháp tổ chức thi công, biện pháp bảo đảm giao thông trong thời gian thi công trên đường bộ đang khai thác.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải/UBND cấp huyện/UBND cấp xã.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải/UBND cấp huyện/UBND cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác;

- Giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, an toàn giao thông và không thuộc các trường hợp không phải cấp giấy phép thi công theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

Mẫu: Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRÊN ĐƯỜNG
BỘ
ĐANG KHAI THÁC
Về đề nghị (...3...)**

Kính gửi:(4...)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Căn cứ (5);

(2) đề nghị được cấp phép thi công (6) tại (7). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày...tháng... năm... đến hết ngày...tháng... năm...

(2) cam kết thực hiện các nội dung sau đây:

- Tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo công trình.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

- Thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được (8) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Trường hợp thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (2) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu VT.

(.....2.....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi:

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình trên đường bộ.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, tên đường bộ, tên địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của Quốc lộ 13, địa phận huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công.

(5) Văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước (biển quảng cáo/biển thông tin cổ động/ tuyên truyền chính trị/công trình hạ tầng, xây dựng/lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ (kèm theo hồ sơ được chấp thuận) của cơ quan có thẩm quyền (4).

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy đủ lý trình, tên đường, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực phê duyệt thiết kế)/.

Mẫu: Giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác
TÊN CƠ QUAN CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
TRÊN NAM
TÊN CƠ QUAN CẤP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
PHÉP

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20...

GIẤY PHÉP THI CÔNG

Công trình:.....(1).....

Lý trình:.....(ghi tên đường)....

- Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

- Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Căn cứ (4);

- Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của....(3) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

1. Cấp cho:(3).....

- Địa chỉ

- Điện thoại

-

2. Được phép thi công công trình:...(1)...trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ từ lý trình Km.....đến Km.....đường ..., theo hồ sơ thiết kế và tổ chức thi công được...(2)... chấp thuận, gồm các nội dung chính như sau:

a).....;

b).....;

c).....;

d).....;

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến đơn vị quản lý đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo hồ sơ được chấp thuận và các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng thi công, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu trách nhiệm, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng thi công cho đơn vị quản lý đường bộ;

-.....(các nội dung khác nếu cần thiết).....

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày.../...../20...đến ngày...../...../20..../.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu VT...

(.....2.....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi:

(1) Tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.

(2) Tên cơ quan chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ (kèm theo hồ sơ được chấp thuận).

(3) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công.

(4) Văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước (biên quảng cáo/biên thông tin cổ động/ tuyên truyền chính trị/công trình hạ tầng, xây dựng/lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ (kèm theo hồ sơ được chấp thuận) của cơ quan có thẩm quyền (2).

PHẦN B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền:

- Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ trong phạm vi cả nước đối với các trường hợp sau:

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe có địa chỉ đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động nằm trên địa bàn tỉnh (trừ trường hợp phục vụ quốc phòng an ninh thuộc thẩm quyền của Khu Quản lý đường bộ, trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục Đường bộ Việt Nam);

+ Phương tiện hoặc hàng hóa chở trên phương tiện được đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe có nơi đi hoặc nơi đến nằm trên địa bàn tỉnh (trừ trường hợp phục vụ quốc phòng an ninh thuộc thẩm quyền của Khu Quản lý đường bộ, trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục Đường bộ Việt Nam);

+ Phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp khẩn cấp; công trình năng lượng; có nơi đi và nơi đến của phương tiện hoặc hàng hóa chở trên phương tiện được đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe nằm trên địa bàn tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ:

+ Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hồ sơ ngay trong ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ; trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả.

+ Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính (hoặc) trực tuyến, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ; trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và giải quyết hồ sơ.

- Thẩm định hồ sơ và trả kết quả: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trên tuyến, đoạn tuyến đường bộ đã được khảo sát, thiết kế, gia cường công trình đường bộ (nếu có), cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe được sử dụng báo cáo kết quả khảo sát, báo cáo kết quả hoàn thành gia cường công

trình đường bộ trong thời gian 06 (sáu) tháng tính từ ngày lập báo cáo đề phục vụ việc cấp giấy phép lưu hành xe cho các xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng có các thông số (gồm: kích thước bao ngoài, khối lượng toàn bộ của xe và tải trọng trục xe, cụm trục xe) tương đương hoặc nhỏ hơn phương tiện đã được cấp giấy phép lưu hành xe trước đó khi lưu hành trên tuyến, đoạn tuyến đường bộ này.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp (hoặc) qua hệ thống bưu chính (hoặc) qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

- Bản sao chứng nhận đăng ký xe hoặc đăng ký tạm thời (đối với Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được cấp biển số xe và đăng ký tạm thời);

- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe hoặc bản sao tính năng kỹ thuật của xe do nhà sản xuất gửi kèm theo xe (đối với xe đăng ký tạm thời);

- Phương án vận chuyển gồm các nội dung sau: thông tin về tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể nơi đi, nơi đến, tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng); thông tin về phương tiện vận chuyển; thông tin hàng hóa chuyên chở có xác nhận của người thuê vận tải, gồm các thông số kích thước về chiều dài, chiều rộng và chiều cao (D x R x C) mét, khối lượng; trích hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận tải của người thuê vận tải; báo cáo kết quả khảo sát; đề nghị của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (đối với trường hợp các xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng khi lưu hành phải thực hiện các điều kiện bắt buộc như đi theo làn quy định, có người, phương tiện hỗ trợ lái xe, cảnh báo cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ khác hoặc phải gia cường công trình đường bộ; các xe bánh xích tự di chuyển trên đường bộ);

- Báo cáo kết quả hoàn thành gia cường công trình đường bộ (đối với trường hợp phải gia cường công trình đường bộ).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ;
- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ;
- Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ;
- Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng được cấp giấy phép lưu hành xe trên đường bộ trong các trường hợp sau đây:
 - + Trường hợp quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 52 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
 - + Phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo đề nghị của cơ quan, đơn vị quốc phòng, an ninh;
 - + Phục vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai theo đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý công trình hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên;
 - + Thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp khẩn cấp theo đề nghị của cơ quan, tổ chức quản lý công trình hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên;
 - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trong trường hợp chủ phương tiện, đơn vị vận tải, người thuê vận tải hoặc người điều khiển phương tiện sau khi đã tìm hiểu, khảo sát, có đơn đề nghị nêu rõ lý do các phương thức vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không, hàng hải không phù hợp hoặc phải kết hợp phương thức vận tải đường bộ với phương thức vận tải khác.
- Không cấp giấy phép lưu hành xe trong trường hợp chở hàng hóa vượt quá khối lượng hàng chuyên chở cho phép theo thiết kế của xe được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 39/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

Mẫu: Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG,
XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG,
SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:

- Địa chỉ:.....Điện thoại.....

Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe.....(xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng).....trên đường bộ với các thông số sau:

1. Thông tin tổ hợp xe:		
Thông số kỹ thuật	Xe ô tô hoặc xe ô tô đầu kéo	Rơ moóc (RM)/ Sơ mi rơ moóc (SMRM)
Nhãn hiệu		
Biển số		
Số trục		
Thời hạn kiểm định		
Khối lượng bản thân (kg)		
Khối lượng kéo theo thiết kế (kg)		
Khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông (kg)		
Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (kg)		
Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (kg)		
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (kg)		
Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m)		
2. Thông tin thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển lắp, đặt trên xe (nếu có):		
Tên (nhãn hiệu) thiết bị:		

Khối lượng bản thân của thiết bị (kg):	
Kích thước bao của thiết bị (dài x rộng x cao) (m):	
Tính năng của thiết bị (ghi theo thiết kế của nhà sản xuất):	
3. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:	
Loại hàng:	
Kích thước (D x R x C) m: Tổng khối lượng (tấn):	
4. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:	
Kích thước (D x R x C) m:	
Hàng vượt bên phải thùng xe: m	Hàng vượt phía trước thùng xe: ... m
Hàng vượt bên trái thùng xe:m	Hàng vượt phía sau thùng xe: ... m
Khối lượng toàn bộ (gồm: khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân RM/SMRM + khối lượng thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển lắp, đặt trên xe (nếu có) + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng xếp trên xe):tấn	
5. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:	
Trục đơn: ... tấn	
Cụm trục kép:tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d = m	
Cụm trục ba: tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d = m	

6. Tuyến đường và thời gian vận chuyển:

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể nơi đi, nơi đến, tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km...):

.....

- Thời gian đề nghị lưu hành: từ ngày... tháng ... năm ... đến ngày... tháng... năm...

7. Lý do đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe: (ghi cụ thể lý do theo nội dung tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 39/2024/TT-BGTVT)

8. Cam kết của cá nhân, tổ chức đề nghị (về: (a) tính chính xác của các thông tin cung cấp trong đơn đề nghị và hồ sơ; (b) tính hợp pháp của phương tiện và hàng hóa tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe; (c) việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho công trình đường bộ; (d) chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra mất an toàn giao thông trong quá trình lưu hành phương tiện được cấp giấy phép lưu hành

trên đường bộ và khắc phục hậu quả (nếu có))

(Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)

....., ngày tháng ... năm ...

Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: đối với tổ hợp phương tiện vận chuyển loại hàng siêu trường, siêu trọng có kích thước, khối lượng lớn, tuyến đường vận chuyển dài, địa hình phức tạp hoặc phải dùng thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ, đơn đề nghị có nhiều thông tin thì bổ sung phụ lục kèm theo.

Mẫu: Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH
XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:
- Địa chỉ: Điện thoại:
- Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích tự hành trên đường bộ:
- Biển số đăng ký (nếu có):
- Khối lượng bản thân xe: (kg)
- Kích thước của xe:
 - + Chiều dài: (m)
 - + Chiều rộng: (m)
 - + Chiều cao: (m)
- Loại xích (nhọn hoặc bằng):
- Chiều rộng bánh xích mỗi bên:(m)
- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: (m)
- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại km ...):
- Thời gian đề nghị lưu hành: từ ngày...tháng...năm... đến ngày... tháng... năm...
- Lý do đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe: (ghi cụ thể lý do theo nội dung khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 39/2024/TT-BGTVT)
- Cam kết của cá nhân, tổ chức đề nghị (về: (a) tính chính xác của các thông tin cung cấp trong đơn đề nghị và hồ sơ; (b) tính hợp pháp của phương tiện tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe; (c) việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho công trình đường bộ; (d) chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra mất an toàn giao thông trong quá trình lưu hành phương tiện được cấp giấy phép lưu hành trên đường bộ và khắc phục hậu quả (nếu có)):

(Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe)

....., ngày ... tháng ... năm...
Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
 (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu: Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ GLHX - CQCP

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...

- Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
- Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
- Căn cứ Thông tư số 39/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.
- Xét đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ ngày tháng năm của (tên tổ chức, cá nhân đứng đơn, địa chỉ),

Cho phép lưu hành xe ... (xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng) ... trên đường bộ của (tên tổ chức, cá nhân chủ xe) ... với các thông tin như sau:

1. Thông tin tổ hợp xe:		
Thông số kỹ thuật	Xe ô tô hoặc xe ô tô đầu kéo	Rơ moóc (RM)/ Sơ mi rơ moóc (SMRM)
Nhãn hiệu		
Biển số		
Số trục		
Thời hạn kiểm định		
Khối lượng bản thân (kg)		
Khối lượng kéo theo thiết kế (kg)		

Khối lượng kéo theo cho phép tham gia giao thông (kg)		
Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (kg)		
Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (kg)		
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (kg)		
Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m)		
2. Thông tin thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển lắp, đặt trên xe (nếu có):		
Tên (nhãn hiệu) thiết bị:		
Khối lượng bản thân của thiết bị (kg):		
Kích thước bao của thiết bị (dài x rộng x cao) (m):		
Tính năng của thiết bị (ghi theo thiết kế của nhà sản xuất):		
3. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:		
Loại hàng:		
Kích thước (D x R x C) m: Tổng khối lượng: tấn		
4. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:		
Kích thước (D x R x C) m: ...	Hàng vượt phía trước thùng xe: ... m	
Hàng vượt hai bên thùng xe: m	Hàng vượt phía sau thùng xe: m	
Khối lượng toàn bộ (gồm khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân RM/SMRM + khối lượng thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển lắp, đặt trên xe (nếu có) + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng hóa): tấn		
5. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:		
Trục đơn: tấn		
Cụm trục kép: tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục: d = m		
Cụm trục ba: tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d = ... m		
6. Tuyến đường vận chuyển		
- Nơi đi..... (ghi cụ thể Km/QL (ĐT) , địa danh) hoặc ghi cụ thể tuyến đường, địa danh đối với tuyến đường bộ không bố trí cột km		
- Nơi đến (ghi cụ thể Km/QL (ĐT), địa danh) hoặc ghi cụ thể tuyến đường, địa danh đối với tuyến đường bộ không bố trí cột km		
- Các tuyến đường được đi: (ghi đầy đủ, cụ thể tên đoạn tuyến đường bộ được đi, các vị trí chuyển hướng (nút giao), đi qua đường ngang (nếu có), các điểm khống chế từ nơi đi đến nơi đến)		

7. Các điều kiện quy định khi lưu hành xe trên đường bộ

- Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện phải tuân thủ các quy định của Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Xe phải có hệ thống hãm đủ hiệu lực (kể cả RM/SMRM kéo theo); hệ thống liên kết nối xe đầu kéo với RM/SMRM phải chắc chắn, bảo đảm an toàn và đúng quy định của nhà sản xuất; phải có cờ, đèn báo hiệu điểm nhô ra lớn nhất của kích thước bao ngoài của xe theo quy định.

- Khi lưu hành trên đường cao tốc và qua hầm đường bộ, trạm thu phí phải tuân thủ quy định về tốc độ, khoảng cách, làn đường và các quy định về quản lý, khai thác của công trình hoặc hướng dẫn của đơn vị quản lý công trình đó (nếu có).

- Khi qua cầu, xe chạy đúng (tìm hoặc làn) với tốc độ Không dừng, đỗ, phanh, hãm xe trên cầu; không dừng, đỗ xe trong phạm vi đường ngang.

- (các điều kiện quy định bảo đảm an toàn khác nếu cần thiết) ...

- Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của lực lượng kiểm soát giao thông trên đường bộ.

8. Số điện thoại liên hệ của cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe:

Nơi nhận:

- ... (Các cơ quan, đơn vị liên quan) ...;
- Lưu: VT.....

Lãnh đạo cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: đối với tổ hợp phương tiện vận chuyển loại hàng siêu trường, siêu trọng có kích thước, khối lượng lớn, tuyến đường vận chuyển dài, địa hình phức tạp hoặc phải dùng thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ, giấy phép lưu hành có nhiều thông tin thì bổ sung phụ lục kèm theo.

Mẫu: Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ
CƠ QUAN CẤP GIẤY CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
PHÉP LƯU HÀNH XE NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ GLHX - CQCP

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG
BỘ

Có giá trị đến hết ngày ... tháng... năm....

- Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
- Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

- Căn cứ Thông tư số 39/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

- Xét đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ ngày....tháng....năm...của... (tên tổ chức, cá nhân đứng đơn, địa chỉ).....,

1. Cho phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ cụ thể như sau:

Xe bánh xích (nhãn hiệu xe): Biển số đăng ký:của (tên tổ chức, cá nhân chủ xe)

Với các thông số như sau:

- Chiều dài: m;
- Chiều rộng: m;
- Chiều cao (tính từ mặt đường trở lên): m
- Khối lượng toàn bộ của xe: tấn;
- Loại bánh xích (bằng hay nhọn):
- Nơi đi (ghi cụ thể Km/QL (ĐT), địa danh) hoặc ghi cụ thể tuyến đường, địa danh đối với tuyến đường bộ không bố trí cột km
- Nơi đến (ghi cụ thể Km/QL (ĐT)....., địa danh) hoặc ghi cụ thể tuyến đường, địa danh đối với tuyến đường bộ không bố trí cột km

+ Các tuyến được đi: (ghi đầy đủ, cụ thể tên đoạn tuyến đường bộ được đi, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang (nếu có), các điểm khống chế từ nơi đi đến nơi đến)...

2. Các điều kiện quy định khi lưu hành xe trên đường bộ

- Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện phải tuân thủ các quy định của Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
- Phải bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật của xe và phải lắp guốc cho bánh xích.
- Chạy phía bên phải của chiều đi, đúng tốc độ thiết kế của xe và không quá tốc độ quy định trên đường; nhường đường cho các phương tiện khác.
- Khi qua cầu phải đi đúng (*tìm hoặc làn*) với tốc độ chậm, không dừng, đỗ trên cầu; không dừng, đỗ xe trong phạm vi đường ngang.
- (*các điều kiện quy định bảo đảm an toàn khác nếu cần thiết*)
- Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng kiểm soát giao thông trên đường.

3. Số điện thoại liên hệ của cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe:

Nơi nhận:

- ... (*Các cơ quan, đơn vị liên quan*)...;
- Lưu: VT.....

Lãnh đạo cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe

(*ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

2. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định;
- Đối với hồ sơ nộp gián tiếp, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ, có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo quy định;
- Hồ sơ khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công công trình nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác, bao gồm: thuyết minh thiết kế, bản vẽ thiết kế nút giao đầu nối và bản vẽ hoàn trả kết cấu hạ tầng đường quốc lộ, bản vẽ tổ chức giao thông tại nút giao đầu nối, hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất; văn bản/quyết định chấp thuận vị trí đầu nối vào quốc lộ đang khai thác trừ vị trí đầu nối không phải chấp thuận theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ;
- Văn bản giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.

2.8. Phí, lệ phí: Không có.**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác;

- Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Vị trí đầu nối được thiết kế, xây dựng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; phù hợp với cấp đường và bảo đảm an toàn giao thông, năng lực thông hành của tuyến đường;

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

Mẫu: Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

(1)

(2)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 202...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO
ĐƯỜNG QUỐC LỘ ĐANG KHAI THÁC**

**Về việc đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào ... (ghi bên
trái/hoặc**

**bên phải tuyến Km ... (ghi lý trình) của tuyến đường (ghi tên, số
hiệu
đường bộ)**

Kính gửi: (Ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút
giao vào quốc lộ đang khai thác)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo
trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ ... (ghi các văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đầu nối trừ
vị trí đầu nối không phải chấp thuận theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự an
toàn giao thông đường bộ; dự án đầu tư xây dựng có nút giao đầu nối, văn bản
giao chủ đầu tư xây dựng nút giao đầu nối);

Căn cứ hồ sơ thiết kế ... (ghi tên công trình nút giao đầu nối) kèm theo tài
liệu quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 của Thông tư, do (3).... (ghi tên
tổ chức tư vấn lập, trường hợp thiết kế đã được thẩm định và phê duyệt thì ghi rõ
số quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt);

(2)... (ghi cơ quan đề nghị) đề nghị chấp thuận thiết kế của nút giao đầu
nối vào ... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km ... (ghi lý trình) của tuyến đường
.... (ghi tên, số hiệu đường bộ) ... do tổ chức tư vấn lập (trường hợp thiết
kế đã được thẩm định và phê duyệt thì ghi rõ số quyết định duyệt, cơ quan đã phê
duyet) và được gửi kèm theo văn bản đề nghị này.

(2)... (ghi tên đơn vị ký đơn) cam kết thực hiện đúng văn bản chấp thuận
thiết kế nút giao đầu nối, sửa đổi, bổ sung đầy đủ báo hiệu đường bộ và công trình
an toàn giao thông tại nút giao đầu nối; thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thi

công nút giao đầu nối trước khi tổ chức thi công nút giao đầu nối, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn xây dựng khi thi công nút giao đầu nối, bảo vệ môi trường; không yêu cầu bồi thường, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối với các hạng mục kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đầu nối, đồng thời khắc phục các tồn tại nếu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện diễm hay xảy ra tai nạn giao thông, diễm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đầu nối theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền)

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu VT.

(2)
**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI
KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị (nếu có);
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác (do chủ đầu tư đứng đơn);
- (3) Tên tổ chức tư vấn.

Mẫu: Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

(1)

(2)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20...

Về việc chấp thuận thiết kế
nút giao đầu nối vào ... (ghi
bên trái/hoặc bên phải tuyến
Km ... (ghi lý trình) đường
quốc lộ.... ghi tên, số hiệu
đường bộ)

Kính gửi: - (ghi tên đơn vị đề nghị chấp thuận nút giao
đầu nối);
- (ghi tên cơ quan cấp phép thi công nút giao
đầu nối trong trường hợp cơ quan cấp phép nút
giao đầu nối khác cơ quan chấp thuận thiết kế nút
giao đầu nối).

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo
trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ ... (ghi các văn bản/quyết định phê duyệt vị trí nút giao đầu nối trừ
vị trí đầu nối không phải chấp thuận theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự an
toàn giao thông đường bộ; dự án đầu tư xây dựng có nút giao đầu nối, văn bản
giao chủ đầu tư xây dựng nút giao đầu nối);

Sau khi xem xét thiết kế của nút giao đầu nối vào ... (ghi bên trái/hoặc bên
phải tuyến Km ... (ghi lý trình) của tuyến đường (ghi tên, số hiệu đường
bộ).... (ghi cơ quan chấp thuận) chấp thuận nút giao đầu nối với các nội dung
sau:

1. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào ... (ghi bên trái/hoặc bên phải
tuyến Km ... (ghi lý trình) của đường quốc lộ (ghi tên, số hiệu đường bộ)
kèm theo các yêu cầu khác tại các mục a), b), c)... văn bản này;

2. Các yêu cầu khác đối với tổ chức, cá nhân được chấp thuận thiết kế nút
giao đầu nối tại mục 1 văn bản này như sau:

a) ..

b) ...

c) ...

(Phần ghi các yêu cầu: sửa đổi bổ sung thiết kế nút giao đầu nối, sửa đổi, bổ sung đầy đủ báo hiệu đường bộ và công trình an toàn giao thông tại nút giao đầu nối; thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối trước khi tổ chức thi công nút giao đầu nối, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn xây dựng khi thi công nút giao đầu nối, bảo vệ môi trường và không yêu cầu bồi thường, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối với các hạng mục kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đầu nối, đồng thời khắc phục các tồn tại nếu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đầu nối theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).

3. Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối có thời hạn 18 tháng, hết thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ đang khai thác hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đầu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Khu QLDB/Sở GTVT...
-;
- Lưu ...

(2)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối.

(2) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối.

3. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định;
- Đối với hồ sơ nộp gián tiếp, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;
- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối, trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo quy định;
- Thuyết minh và bản vẽ biện pháp tổ chức thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ đang khai thác; biện pháp bảo đảm giao thông đường bộ khi thi công xây dựng nút giao đầu nối.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc cấp phép thi công đầu nối vào đường quốc lộ.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc cấp phép thi công đấu nối vào đường quốc lộ.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép thi công nút giao đấu nối.

3.8. Phí, lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác;

- Giấy phép thi công nút giao đấu nối.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Vị trí đấu nối được thiết kế, xây dựng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; phù hợp với cấp đường và bảo đảm an toàn giao thông, năng lực thông hành của tuyến đường;

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

Mẫu: Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

(1)

(2)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO...
Về đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào Km AAA Quốc lộ ...

Kính gửi: (ghi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối)

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ văn bản ... (ghi các văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối của cơ quan...) về việc chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào ... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km ... (ghi lý trình) của tuyến đường (ghi tên, số hiệu đường bộ).....;

(2) đề nghị được cấp phép thi công nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km ... (ghi lý trình) của tuyến đường (ghi tên, số hiệu đường bộ) trong thời gian thi công từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ... kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

(2) thi công công trình nút giao: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác;

(2) xin cam kết thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được chấp thuận và đã được phê duyệt; tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (2) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu VT.

(2)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, tổ chức đề nghị (nếu có);
- (2) Tên chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối.

Mẫu: Giấy phép thi công nút giao đầu nối
TÊN CƠ QUAN CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
TRÊN NAM
TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm 202...

GIẤY PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI

Công trình: Nút giao đầu nối.....(1).....

Lý trình:..... Quốc lộ (hoặc đường khác).....

Căn cứ Luật Đường bộ năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ văn bản ... (ghi các văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối của cơ quan ... (2) ... về việc chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào ... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km ... (ghi lý trình) của tuyến đường (ghi tên, số hiệu đường bộ)...;

Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của.....(3) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

1. Cấp cho:.....(3)

- Địa chỉ

- Điện thoại

-

2. Được phép thi công nút giao đầu nối vào nút giao ... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km ... (ghi lý trình) của đường quốc lộ (ghi tên, số hiệu đường bộ)..., theo hồ sơ thiết kế nút giao đầu nối đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận gồm các nội dung chính như sau:

a).....;

b).....;

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến người quản lý, sử dụng đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng thi công, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của người quản lý, sử dụng đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng thi công cho đơn vị quản lý đường bộ;

- (các nội dung khác nếu cần thiết)

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ
ngày.../.../20...đến....ngày.../...../20....

Nơi nhận:

-;

-

(...2....) **NGƯỜI KÝ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi:

(1): Ghi tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm quyền chấp thuận thiết kế.

(3): Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công.

4. Công bố đưa bến xe khách vào khai thác

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách nộp hồ sơ đề nghị đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra các tiêu chí phân loại bến xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách và lập biên bản kiểm tra;

- Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra phải thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách; nếu bến xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe vào khai thác.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe;

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách với các công trình của bến xe;

e) Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách ban hành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

- Thời hạn công bố:

+ Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

+ Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

4.8. Phí, lệ phí: Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác;
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật theo quy chuẩn đối với các công trình của bến xe khách;
- Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Bến xe khách đưa vào khai thác phải đáp ứng yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.

Mẫu: Giấy đề nghị công bố bến xe khách vào khai thác
 (2).....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp
 ngày... tháng...năm.....

Đề nghị kiểm tra đề đưa bến xe khách..... (3)

Cụ thể như sau:

- Tên: (3).....
- Địa chỉ: (4).....
- Tổng diện tích đất: (5).....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN/BGTVT
 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách chúng tôi đề nghị....(1)..... công bố
 Bến xe khách..... (3)..... đạt quy chuẩn Bến xe loại:..... (6)..... và được đưa vào khai
 thác..... (2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

Đại diện đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)

*** Hướng dẫn ghi:**

- 1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách.
- (3) Ghi tên bến xe khách.
- (4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách.
- (5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách.
- (6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố.

Mẫu: Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật theo quy chuẩn đối với các công trình của bến xe khách

.....(2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT THEO QUY CHUẨN
ĐỐI VỚI
CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....

2. Trụ sở:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật theo quy chuẩn đối với các công trình của bến xe khách.....(3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại(4)....	Theo thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m2		
2	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m2		
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác (tối thiểu)	m2		
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m2		
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí		
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	chỗ		
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
8	Diện tích khu vực làm việc của bộ máy quản lý			
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế			
10	Diện tích khu vệ sinh			
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
12	Đường xe ra, vào bến			

13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách			
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến			
15	Hệ thống cung cấp thông tin			
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

Các tiêu chí phân loại tại bảng trên áp dụng phù hợp theo quy định đối với bến xe khách được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

*** Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách.
- (3) Ghi tên bến xe.
- (4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố.

Mẫu: Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác
..... (2)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-....

....., ngày..... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố đưa bến xe khách/bến xe hàng vào khai thác
(2)

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ QCVN/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách/bến xe hàng do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày tháng năm 20.....;

Căn cứ Quyết định số..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của.....(2)....

Căn cứ Biên bản kiểm tra của.....(2)..... ngày...../...../.....

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa Bến xe khách/bến xe hàng..... (1).... vào khai thác với các nội dung sau:

- Bến xe khách/bến xe hàng: (1) Mã số:.....
- Đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe trực tiếp quản lý, khai thác:.....
- Vị trí (3)..... Điện thoại:..... Fax:.....
- Tổng diện tích đất:.....(4).....

Trong đó:

- Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách/xếp hàng hóa:.....
- Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác:.....
- Diện tích phòng chờ cho hành khách (áp dụng cho bến xe khách):.....
-(1)..... đạt quy chuẩn Bến xe khách/bến xe hàng loại:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng.....năm.....

Điều 3. Các ông (bà)....., Trưởng phòng.....; Thủ trưởng...(1).... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐBVN;
- Lưu.

Thủ trưởng...(2)....

(Ký tên, đóng dấu)

*** Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi tên bến xe khách/bến xe hàng.
- (2) Ghi tên cơ quan ban hành quyết định công bố.
- (3) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách/bến xe hàng.
- (4) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách/bến xe hàng.

5. Công bố lại bến xe khách

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách nộp hồ sơ đề nghị đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có bến xe trong các trường hợp:

- Sau khi cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí phân loại bến xe khách;
- Thay đổi đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra các tiêu chí phân loại bến xe và lập biên bản kiểm tra;
- Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra phải thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe; nếu bến xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe đề nghị thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe vào khai thác.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố lại bến xe theo mẫu;
- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Văn bản hoặc tài liệu chứng minh về thay đổi đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

- Thời hạn công bố:

- + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

- + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

5.8. Phí, lệ phí: Không có.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị công bố lại bến xe khách;

- Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Bến xe khách đưa vào khai thác phải đáp ứng yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.

Mẫu: Giấy đề nghị công bố lại bến xe khách
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày... tháng.... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH

Kính gửi:..... (1)

1. Đơn vị khai thác bến xe khách:..... (2):
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày...tháng...năm.....

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác...(3)..... Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số.... ngày.... tháng... năm... của...(1)..... Thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm.....

Sau khi xem xét các quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác; QCVN/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị.... (1)..... tiếp tục công bố đưa Bến xe khách.... (3).... đạt loại:..... (4):..... vào khai thác...(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)

*** Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách.
- (3) Ghi tên bến xe khách.
- (4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố.

Mẫu: Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác
..... (2)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-....

....., ngày..... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố đưa bến xe khách/bến xe hàng vào khai thác
(2)

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ QCVN .../BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách/bến xe hàng do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày . tháng năm 20.;

Căn cứ Quyết định số..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của.....(2)....

Căn cứ Biên bản kiểm tra của.....(2)..... ngày...../...../.....

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa Bến xe khách/bến xe hàng..... (1).... vào khai thác với các nội dung sau:

- Bến xe khách/bến xe hàng: (1) Mã số:.....
- Đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe trực tiếp quản lý, khai thác:.....
- Vị trí (3)..... Điện thoại:..... Fax:.....
- Tổng diện tích đất:.....(4).....

Trong đó:

- Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách/xếp hàng hóa:.....
- Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác:.....
- Diện tích phòng chờ cho hành khách (áp dụng cho bến xe khách):.....
-(1)..... đạt quy chuẩn Bến xe khách/bến xe hàng loại:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Điều 3. Các ông (bà)....., Trưởng phòng.....; Thủ trưởng...(1).... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Thủ trưởng...(2)....
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐBVN;
- Lưu.

*** Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi tên bến xe khách/bến xe hàng.
- (2) Ghi tên cơ quan ban hành quyết định công bố.
- (3) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách/bến xe hàng.
- (4) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách/bến xe hàng.

6. Cấp Giấy phép lái xe quốc tế

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế (IDP) tại Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET. còn giá trị sử dụng: phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định; khi nộp đơn qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán lệ phí của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.

Trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận đơn có trách nhiệm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn.

- Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng: phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

Trường hợp đơn đề nghị không đúng theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp IDP cho cá nhân; trường hợp không cấp IDP thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET. còn giá trị sử dụng: Trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng: Trực tiếp.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET. còn giá trị sử dụng:

- Hồ sơ phải nộp: Đơn đề nghị cấp IDP theo mẫu quy định.

- Hồ sơ phải xuất trình:

+ Bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp;

+ Hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài).

* Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng

- Hồ sơ phải nộp:

+ Đơn đề nghị cấp IDP quốc tế theo mẫu quy định;

+ Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;

+ Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài.

- Hồ sơ phải xuất trình:

+ Bản chính giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp;

+ Hộ chiếu, thẻ thường trú hoặc tạm trú (đối với người nước ngoài). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe quốc tế.

6.8. Phí, lệ phí:

- Nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế;

- Giấy phép lái xe quốc tế.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam: có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET. còn giá trị sử dụng.

- Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam: có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng;

- Không cấp IDP đối với các trường hợp sau đây:

+ Giấy phép lái xe quốc gia bị tẩy xóa không còn đủ các thông tin cần thiết hoặc có sự khác biệt về nhận dạng;

+ Giấy phép lái xe quốc gia không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING PERMIT

Ảnh màu

photograph

Kính gửi (To):.....

Tôi là (Full name):

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.) cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....

hoặc Số định danh cá nhân (personal identification No.):

Hiện có giấy phép lái xe số (Current driving licence No.):

Cơ quan cấp (Issuing Office):

Tại (Place of issue):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Reason of application for International driving permit):

....., ngày(date)..... tháng (month).....
 năm(year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and Full name)

7. Cấp mới Giấy phép lái xe

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người học lái xe lần đầu, Người học lái xe nâng hạng, Người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1, hạng A4 lập hồ sơ, nộp tại Cơ sở đào tạo; Cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải.
- Người dự sát hạch do giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

- Căn cứ quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển. Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe là ngày ký quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch;
- Thời gian cấp giấy phép lái xe chậm nhất không quá 10 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.
- Người đạt kết quả kỳ sát hạch được cấp giấy phép lái xe đúng hạng đã trúng tuyển; đối với trường hợp nâng hạng hoặc cấp do giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe khi đến nhận giấy phép lái xe;

7.2. Cách thức thực hiện:

- Người học lái xe: nộp trực tiếp.
- Cơ sở đào tạo gửi bằng một trong các hình thức: trực tiếp, dịch vụ bưu chính, trên môi trường điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu*

- Hồ sơ do người học lái xe nộp:
 - + Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
 - + Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài).
- Hồ sơ do Cơ sở đào tạo lái xe nộp:
 - + Hồ sơ của người học lái xe;
 - + Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng B1, B, C1;
 - + Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch;
 - + Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu

chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.

** Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE*

- Hồ sơ do người học lái xe nộp:

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài);

+ Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D1, D2 và D (xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);

+ Bản khai thời gian lái xe an toàn theo mẫu quy định.

- Hồ sơ do Cơ sở đào tạo lái xe nộp:

+ Hồ sơ của người học lái xe;

+ Chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.

** Người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1, hạng A4*

- Hồ sơ của người học lái xe: Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp.

- Hồ sơ do Cơ sở đào tạo lái xe nộp:

+ Hồ sơ của người học lái xe;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.

** Đối với người dự sát hạch do giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng*

- Hồ sơ của người học lái xe

+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe.

7.8. Phí, lệ phí:

- Phí sát hạch lái xe:
- + Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A2, A3, A4: Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành: 60.000 đồng/lần;
- + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần, Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần.
- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp Giấy phép lái xe;
- Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn;
- Giấy phép lái xe.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.
- Người học lái xe để nâng hạng giấy phép lái xe phải đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 60 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; trong đó, thời gian lái xe an toàn cho từng hạng giấy phép lái xe được quy định cụ thể như sau:

+ Hạng B lên C1, B lên C, B lên D1, B lên BE, C1 lên C, C1 lên D1, C1 lên D2, C1 lên C1E, C lên D1, C lên D2, D1 lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D, D2 lên D2E, D lên DE: thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên;

+ Hạng B lên D2, C lên CE, C lên D: thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên.

- Người đã có giấy phép lái xe hạng B số tự động được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng B số cơ khí (số sàn), người đã có giấy phép lái xe hạng B được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng C1 và phải học đủ nội dung chương trình đào tạo lái xe theo quy định, hồ sơ của người học lái xe thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT.

- Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng:

+ Người có giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE quá thời hạn sử dụng:

Quá hạn dưới 01 năm kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe.

Quá hạn từ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình và trên đường để cấp giấy phép lái xe.

+ Người có giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE bị mất nhưng quá thời hạn sử dụng, có tên trong hồ sơ của Sở Giao thông vận tải, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý phải dự sát hạch các nội dung:

Quá hạn dưới 01 năm, phải dự sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe.

Quá hạn từ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn phải sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình và trên đường để cấp giấy phép lái xe.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của bộ trưởng bộ tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu 3
cm x 4 cm
chụp không
quá 06 tháng

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi:.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã có giấy phép lái xe số:.....hạng.....
do:..... cấp ngày: / /

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng:

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe ☐

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm
20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số:, hạng do: cấp ngày: /..... /

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có năm lái xe và cókm lái xe an toàn.

Đề nghị cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI KHAI
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

8. Cấp lại Giấy phép lái xe

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp cá nhân phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn, phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận, tra cứu phần mềm quản lý vi phạm của hệ thống thông tin về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, truy cập phần mềm cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ngành Công an hoặc tra cứu vi phạm của người lái xe thông qua tài khoản định danh điện tử; trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được cấp lại hoặc hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp lại giấy phép lái xe; trường hợp không cấp lại giấy phép lái xe thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân; trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, giấy phép lái xe được trả cho đúng cá nhân cấp lại giấy phép lái xe.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người có giấy phép lái xe hạng A, A1, B1);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe hoặc Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép lái xe tích hợp;

- Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe.

8.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe;
- Giấy phép lái xe.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Người có giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng được xét cấp lại giấy phép lái xe;
- Không cấp lại giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau: giấy phép lái xe không có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam, bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý); chưa cấp lại giấy phép lái xe đối với người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;
- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của bộ trưởng bộ tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: hoặc Hộ
chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:..... năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..... số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có ☐ Không ☐Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn
chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

9. Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp cá nhân phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ.
- Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá nhân kê khai theo hướng dẫn, phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận, tra cứu phần mềm quản lý vi phạm của hệ thống thông tin về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, truy cập phần mềm cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ngành Công an hoặc tra cứu vi phạm của người lái xe thông qua tài khoản định danh điện tử; trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi hoặc hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân; trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, giấy phép lái xe được trả cho đúng cá nhân đổi giấy phép lái xe.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người có giấy phép lái xe hạng A, A1, B1);
- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử

được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe hoặc Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép lái xe tích hợp;

- Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe.

9.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe;
- Giấy phép lái xe.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Yêu cầu đối với việc đổi giấy phép lái xe:

- Người Việt Nam, người nước ngoài được đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam;
- Người có giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp bị hỏng không còn sử dụng được;
- Người Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú ở Việt Nam đã có giấy phép lái xe Việt Nam đổi từ giấy phép lái xe nước ngoài, khi hết hạn nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

- Trường hợp ngày, tháng, năm sinh, họ, tên, tên đệm, quốc tịch, nơi sinh, nơi cư trú ghi trên giấy phép lái xe có sai lệch với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan quản lý giấy phép lái xe làm thủ tục đổi giấy phép lái xe mới phù hợp với thông tin ghi trong căn cước công dân hoặc căn cước;
- Không đổi giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau: giấy phép lái xe không có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam, bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý); người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;
- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của bộ trưởng bộ tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:..... năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..... số:.....
do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có ☐ Không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm
20**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký và ghi rõ họ, tên)

10. Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân lập hồ sơ gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải;
- Cá nhân phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ, tra cứu phần mềm cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ngành Công an hoặc tra cứu vi phạm của người lái xe thông qua tài khoản định danh điện tử; trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi hoặc hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân;
- Hồ sơ đổi giấy phép lái xe quân sự là hồ sơ gốc và giấy phép lái xe quân sự đã được cất góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.

10.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
- Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký;
- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe.

10.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe;

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Yêu cầu đối với việc đổi giấy phép lái xe do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

- Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi thôi phục vụ trong quân đội (xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong quân đội) có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

- Giấy phép lái xe quân sự có hiệu lực được phép lái nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe ngành Giao thông vận tải có hiệu lực lái các hạng xe tương ứng; giấy phép lái xe quân sự hạng Cx được đổi sang giấy phép lái xe hạng C do ngành Giao thông vận tải cấp;

- Người có giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp bị hỏng không còn sử dụng được;

- Không đổi giấy phép lái xe quân sự bị tẩy xóa thông tin hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:..... năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..... số:.....
do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có ☐ Không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

11. Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải;
- Cá nhân phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ, tra cứu phần mềm cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ngành Công an hoặc tra cứu vi phạm của người lái xe thông qua tài khoản định danh điện tử; trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi hoặc hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân;
- Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp là hồ sơ gốc và giấy phép lái xe do ngành Công an cấp đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.

11.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995:*

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định.

** Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995:*

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
- Bản sao giấy phép lái xe; bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;
- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.

** Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31 tháng 7 năm 2020:*

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;
- Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe; chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

11.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe.

11.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe;
- Giấy phép lái xe.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Yêu cầu đối với việc đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

- Người có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sau ngày 31 tháng 7 năm 1995, còn thời hạn sử dụng, khi thôi không tiếp tục phục vụ trong ngành Công an (xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong Công an nhân dân),

có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

- Người có giấy phép lái xe mô tô của ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995 bị hỏng không còn sử dụng được có nhu cầu đổi, có tên trong sổ lưu được xét đổi giấy phép lái xe mới;

- Không đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp bị tẩy xóa thông tin để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: hoặc Hộ chiếu
số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:..... năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..... số:.....
do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có ☐ Không ☐Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn
toàn chịu trách nhiệm......, ngày tháng năm
20**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký và ghi rõ họ, tên)

12. Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc thường trú;
- Cá nhân phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử), Sở Giao thông vận tải thực hiện việc đổi giấy phép lái xe; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân.
- Trường hợp phát hiện có nghi vấn về việc nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.

12.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;
- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng tại Việt Nam, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;
- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người nước ngoài đổi giấy phép lái xe theo thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú);
- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của một trong các giấy tờ: thẻ tạm trú, thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.**12.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép lái xe.

12.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe;
- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe;
- Giấy phép lái xe.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Yêu cầu đối với việc đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp

- Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng và có một trong các giấy tờ sau: giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú hoặc thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang hạng giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

- Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe tại Việt Nam được xét đổi sang hạng giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

- Không đổi giấy phép lái xe tạm thời của nước ngoài; giấy phép lái xe quốc tế; giấy phép lái xe của nước ngoài quá thời hạn sử dụng, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ thông tin để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; giấy phép lái xe nước ngoài không do cơ quan có thẩm quyền cấp; người Việt Nam có giấy phép lái xe nước ngoài có thời gian lưu trú tại nước ngoài dưới 03 tháng và thời hạn lưu trú không phù hợp với thời gian đào tạo lái xe của nước cấp giấy phép lái xe.

- Thời hạn sử dụng và hạng xe được phép điều khiển

+ Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đổi cho người nước ngoài phù hợp với thời hạn ghi tại một trong các giấy tờ: giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy

chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú hoặc thẻ thường trú; phù hợp với thời hạn sử dụng giấy phép lái xe nước ngoài nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam;

+ Giấy phép lái xe quốc gia cấp cho người đổi được điều khiển nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe Việt Nam để điều khiển các hạng xe tương ứng.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (ĐỐI VỚI
NGƯỜI
VIỆT NAM)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE
Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước: hoặc Hộ chiếu
số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:..... năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..... số:.....
do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có ☐ Không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn
toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm
20

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE (ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom - Happiness**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE/APPLICATION FORM FOR
EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE**

(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải...
(Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.) cấp ngày (Issuing date): ngày
(date): tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):
.....

Hiện có giấy phép lái xe số (Current Driver,s Licence No.):.....

Cơ quan cấp (Issuing Office):.....

Tại (Place of issue):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....

Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving
licence):.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time
of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Ghi chú (note): Gửi kèm theo đơn (Documents enclosed as follows)

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of
passport (included pages: full name, photograph, valid visa)] (Đối với trường hợp
chưa có số định danh cá nhân (In case there is no personal identification No.).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached
documents is correct and true.

....., ngày (date) tháng (month) năm
(year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ, tên)
(Signature and Full name)

13. Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động

13.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người có Chứng chỉ bị hỏng hoặc có sự sai lệch về thông tin, bị mất nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải nơi quản lý cơ sở cấp Chứng chỉ.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra hồ sơ khi tiếp nhận; trường hợp chứng chỉ không thuộc đối tượng được cấp lại hoặc hồ sơ không đúng theo quy định, phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải cấp lại chứng chỉ; trường hợp không cấp lại chứng chỉ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân.

13.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ theo mẫu quy định;

- 03 ảnh màu kích thước 2x3 cm chụp không quá 06 tháng (đối với trường hợp Chứng chỉ bị hỏng hoặc có sự sai lệch về thông tin).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

13.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân.

13.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

13.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

13.8. Phí, lệ phí:

- Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

- Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Người có chứng chỉ bị hỏng hoặc có sự sai lệch về thông tin, bị mất có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp chứng chỉ.

13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh
2x3 cm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: ⁽¹⁾

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Hiện tôi đã có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do cơ sở đào tạo cấp.

Số Chứng chỉ: cấp ngày tháng năm

Lý do xin cấp lại:

Đề nghị ⁽¹⁾ cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Sở Giao thông vận tải...../ Cơ sở đào tạo